

Số: 1470/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao bổ sung, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 06 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 72/2020/QH14 và Luật số 03/2022/QH15;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 về phân bổ vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội; phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và phân bổ kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2023 của các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 828/TTr-BKHĐT ngày 08 tháng 11 năm 2024,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh thông tin dự án, giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ của bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Điều chỉnh thông tin dự án của Văn phòng Chủ tịch nước tại Phụ lục kèm theo.
- Giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại Phụ lục kèm theo.

3. Điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 của các nhiệm vụ, dự án đã được giao kế hoạch đầu tư công

trung hạn, đồng thời điều chỉnh tăng tương ứng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các nhiệm vụ, dự án trong nội bộ của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Triển khai thực hiện:

1. Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương căn cứ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 được điều chỉnh, danh mục nhiệm vụ, dự án và mức vốn ngân sách trung ương trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được giao tại Điều 1 Quyết định này:

a) Thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc, bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công, các Nghị quyết của Quốc hội, đúng mục đích, hiệu quả.

b) Có trách nhiệm hoàn thành các nhiệm vụ, dự án điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025, bảo đảm đúng thời gian theo quy định của Luật Đầu tư công; không đề xuất cấp có thẩm quyền bổ sung thêm vốn ngân sách trung ương cho các nhiệm vụ, dự án đã điều chỉnh giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình có trách nhiệm tự cân đối bố trí vốn để thu hồi toàn bộ số vốn ứng trước còn lại theo đúng quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

c) Chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, danh mục nhiệm vụ, dự án và mức vốn bố trí cho từng nhiệm vụ, dự án bảo đảm đúng quy định của pháp luật; chống tiêu cực, tham nhũng, lợi ích nhóm, xin cho.

2. Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về quản lý nhà nước đối với đầu tư công chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và cơ quan liên quan về tính chính xác của các nội dung, số liệu báo cáo, bảo đảm đúng quy định của pháp luật; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này; có trách nhiệm kiểm soát việc cân đối kế hoạch đầu tư công trung hạn để thu hồi vốn ứng trước theo đúng quy định tại Nghị quyết số 93/2023/QH15 ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội.

Điều 3. Thời hạn báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

1. Báo cáo việc thông báo hoặc quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 11 năm 2024.

2. Thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị định

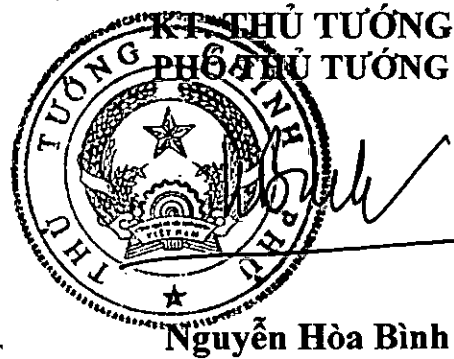
số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Nghị quyết của Chính phủ và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ có liên quan.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

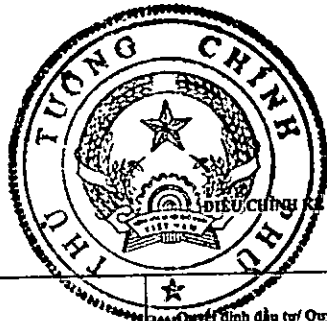
Điều 5. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan được giao, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thủ tướng, các PTTgCP;
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- HĐND, UBND các tỉnh nêu tại Điều 5;
- Đoàn ĐBQH các tỉnh nêu tại Điều 5;
- Văn phòng Quốc hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Kiểm toán Nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: TH, TKBT, NN, CN, QHQT, QHĐP;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b)₅₂



Nguyễn Hòa Bình



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Tên dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT			Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh tăng			Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
TỔNG SỐ															
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO															
		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).													
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C													
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025													
1	212000007257	TAND tỉnh Thừa Thiên Huế	436-30/12/20	132.242	116.242	110.242			10.500			99.742			
2	212000012566	Trùng tu Tòa án nhân dân tối cao tại 48 Lý Thường Kiệt (GD2)	228-17/10/17 131-03/7/19 81-12/3/20 452-28/12/20 44-16/3/21	668.603	668.603	387.196			55.000			332.196			
3	212000007274	Tu bổ bảo tồn TAND TP Hồ Chí Minh	41-28/3/17	100.000	100.000	93.131				5.500		98.631			
4	212000035725	TAND TX Chí Linh	118-6/5/20 78b-21/4/21	75.651	75.651	34.500				30.000		64.500			
		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025													
5	212000031376	TAND tỉnh Hà Tĩnh	67-09/4/21	140.800	140.800	140.800				10.000		130.800			
6	212000033603	Trùng tu trụ sở TANDTC tại số 48 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội (GD 3)	107-04/05/21 332-23/10/22	100.000	100.000	80.000			5.000			75.000			
7	212000033689	TAND Huyện Cẩm Đức	106-4/5/21	40.000	40.000	10.000			9.500			500			
8	212000038207	Dự án xây dựng trụ sở làm việc TAND tỉnh Tuyên Quang	327-24/8/22	130.000	130.000	50.000			20.000			30.000			
9	212000038208	Dự án xây dựng trụ sở làm việc TAND tỉnh Quảng Nam	217-11/8/22	132.000	132.000	50.000			20.000			30.000			
10	212000031379	TAND huyện Nghi Lộc	99-04/5/21 423-23/12/22	39.000	39.000	33.300				4.000		37.300			
11	212000034530	TAND huyện Cai Bè	105-4/5/21 13-8/1/22	44.500	44.500	37.430				3.000		40.430			
12	212000035711	TAND tỉnh Bình Dương	159-21/6/22	158.000	158.000	98.000				46.500		144.500			
13	212000035712	TAND tỉnh Kon Tum	120-8/5/2020 570-20/12/21	141.000	141.000	123.000				7.800		130.800			
14	212000034572	TAND huyện Đức Trọng	104-4/5/21	42.000	42.000	35.400				6.600		42.000			
15	212000035747	TAND huyện Phú Lộc	97-04/5/21 18-29/12/22	40.000	40.000	33.500				3.000		36.500			
16	212000035749	TAND huyện Mỹ Hòa	400/QĐ-TANDCT-KHHC ngày 15/10/2024	43.971	40.600	36.500				3.600		40.100			
17	212000038209	Dự án xây dựng trụ sở làm việc TAND huyện Thanh Miện (tỉnh Hà Dương)	4380a-20/10/20	42.467	42.467	20.000				10.000		30.000			
18	212000038210	Xây dựng trụ sở làm việc TAND huyện Giao Thủy (tỉnh Nam Định)	115-06/5/20	43.015	43.015	20.000				10.000		30.000			

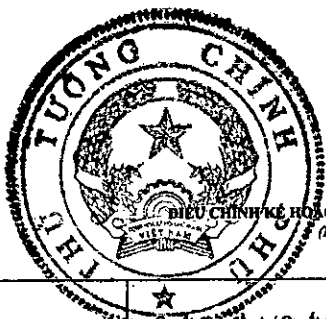


Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Chi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO															
		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).								25.216	25.216	-			
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C								25.216	25.216	-			
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								24.455	25.216	-			
1	212000034778	VKSND TP Sơn La	102,26/7/2021	27.000	27.000	27.000			3.000				24.000		
2	212000030919	VKSND TP. Quy Nhơn	119,28/7/2021	20.000	20.000	12.000			12.000						
3	212000030933	VKSND cấp huyện: Vĩnh Cửu, Tân Phú, Xuân Lộc, Định Quán	66, 23/6/2021	80.000	36.000	36.000			6.800				29.200		
4	212000030777	VKSND huyện Định Lập	265,10/12/2020	18.000	18.000	18.000			2.655				15.345		
5	212000033210	Cải tạo mở rộng VKSND tỉnh Nghệ An	246,10/12/2020	13.957	13.957	13.457				216			13.673		
6	212000030734	VKSND tỉnh Bến Tre	95,26/7/2021	75.000	75.000	52.500				10.000			62.500		
7	212000030744	VKSND tỉnh Kiên Giang	92,26/7/2021	85.000	85.000	59.500				15.000			74.500		
b		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							761						
8	212000003675	Viện KSND tỉnh Bắc Giang	825, 29/10/2015	77.049	68.549	27.227			761				26.466		



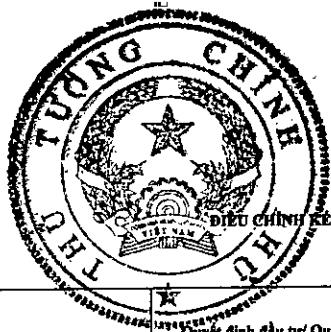
Bộ Tư pháp

Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số	Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
BỘ TƯ PHÁP																	
		Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội (không bao gồm dự án mua mới, xây dựng và cải tạo trụ sở làm việc, cải tạo, nâng cấp nhà ở, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài).								18.074	18.074	-					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C								18.074	18.074	-					
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								14.937	-	-					
1	212000037125	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn TP Hải Phòng và tỉnh Thái Bình	926, 03/6/2021		92.000	92.000	92.000			14.000			78.000				
2	212000037123	Đầu tư trụ sở cơ quan THADS giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai	921, 03/6/2021		110.606	110.606	110.606			937			109.669				
b		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025								3.137	18.074	-					
1	212000017077	Cải tạo, mở rộng trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh	1291, 31/10/2019		14.730	14.730	8.230			3.137			5.093				
2	212000007784	Trụ sở Chi cục THADS H. Cai Lậy	1055/QĐ-TCTHADS, 30/10/2017		12.141	12.141	2.221				5.362		7.583				
3	212000017062	Trụ sở và Kho vật chứng THADS huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	1273/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019		14.000	14.000	8.000				6.000		14.000				
4	212000017066	TRỤ SỞ VÀ KHO VẬT CHỨNG THADS HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA	1266/QĐ-TCTHADS, 10/2019		9.000	9.000	5.000				3.609		8.609				
5	212000007789	Trụ sở Chi cục THADS H. Mường Ảng	1192/QĐ-TCTHADS, 31/10/2017		8.694	8.694	794				1.993		2.787				
6	212000002389	Trụ sở Cục THADS tỉnh Sóc Trăng, trụ sở Chi cục THADS TP Sóc Trăng	1888/QĐ-BTP, 30/10/2015		40.000	40.000	2.000				97		2.097				

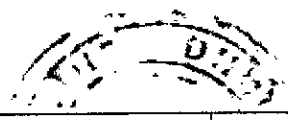
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trong hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước	
7	212000017076	Trụ sở và kho vật chứng Chi cục THADS huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang	1250/QĐ-TCTHADS ngày 31/10/2019	14.500	14.500	8.000				1.013		9.013			



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN															
		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						2.660.000	2.945.000	24.000					
1		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						2.627.000	2.907.000	19.000					
a		Thu hồi vốn ứng trước							2.627.000	2.907.000	19.000				
		Thu hồi vốn ứng trước								19.000	19.000				
1	212000056711	Đầu tư tu bổ đê điều năm 2010 thành phố Đà Nẵng	3077 28/10/09	5.300	4.000					1	1	1		1	
2	212000056712	Tu bổ đê điều thường xuyên 2010 tỉnh Nam Định	3124 30/10/09	28.400	25.300					4.000	4.000	4.000		4.000	
3	212000056713	Sửa chữa nâng cấp cống Trà Linh 1, tỉnh Thái Bình	968 04/04/06	89.272	85.740					54	54	54		54	
4	212000056714	Phát triển một số cây ăn quả chất lượng cao phía Nam	3402 31/10/2007	6.200	6.200					2.644	2.644	2.644		2.644	
5	211000038028	Tiểu DA Đê biển Ba Tri - Dự án Quản lý rủi ro thiên tai (WB4)	3259 31/10/06	185.879	172.404					828	828	828		828	
6	211000038029	Cải tạo nâng cấp hệ thống Thủy nông Gia Thuận - Dự án ADB3	3249 14/8/02	74.936	69.839					1	1	1		1	
7	211000038030	Tiểu dự án Trạm bơm Cầu Khái (DA WB4)	3552 21/11/06	87.183	83.204					850	850	850		850	
8	212000056715	Đê điều thường xuyên 2010 tỉnh Thanh Hóa	2960 20/10/09	7.500	6.000					1	1	1		1	
9	212000056716	SCNC Hồ Bình HA	2810 12/09/200	28.292	28.292					1	1	1		1	
10	212000056717	Công Đô Diêm và HT Kênh trục Sông Nghèn, H.Tĩnh	2906 13/10/09	970.580	970.580					48	48	48		48	



TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
11	211000038031	Cấp nước và vệ sinh môi trường tiểu vùng Sông Mê Kông	2913/19/11/2012	288.716	288.716					788	788	788		788	
12	211000038032	Dự án thủy lợi Phước Hòa	3084/01/8/2002	2.788.391	702.185					89	89	89		89	
13	212000056718	Sửa chữa, nâng cấp Hồ Vĩnh Trinh	124/15/01/2009	73.327	73.327					785	785	785		785	
14	212000056719	Đề điều thường xuyên 2009 tỉnh Quảng Nam	3183/16/10/08	3.670	3.000					1	1	1		1	
15	212000056720	Đề điều thường xuyên 2010 tỉnh Quảng Nam	3122/30/10/09	2.200	2.000					1	1	1		1	
16	212000056721	Đề thường xuyên 2012 tỉnh Quảng Ngãi	2900a/29/10/2010	5.000	5.000					1	1	1		1	
17	211000038033	SC nâng cấp HTTL Nam Thái Nguyên	3687/04/12/06	28.874	27.025					200	200	200		200	
18	211000038034	Cum công trình thủy lợi Nghĩa Lộ	4184/09/10/02	16.225	14.314					1	1	1		1	
19	211000038035	Hỗ trợ thủy lợi VN (Vay WB3) - Tiểu dự án hiện đại hóa HT thủy lợi Yên Lập	5624/19/12/03	231.181	210.565					2.446	2.446	2.446		2.446	
20	211000038036	Hỗ trợ thủy lợi VN (Vay WB3) - Tiểu dự án nâng cấp đập Bến Châu	2814/26/09/07	28.783	28.783					19	19	19		19	
21	211000038037	Dự án Nâng cao chất lượng, an toàn sản phẩm nông nghiệp và phát triển chương trình khí sinh học (HP SKH - Cục Chăn Nuôi)	3662/20/11/08	1.792.718	108.713					741	741	741		741	
22	211000038038	Dự án Hệ thống quan sát tàu cá, vùng đánh bắt và nguồn lợi thủy sản bằng công nghệ vệ tinh	1770/QĐ- BNN-HTQT	408.339	33.039					5.500	5.500	5.500		5.500	
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								2.627.000	1.935.000	-			
23	212000036397	Hạ tầng vùng Nuôi trồng thủy sản tập trung hạ lưu sông Bàn Thạch	3331/23/7/21	180.000	130.000	56.000				24.000		32.000		-	

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
42	212000036395	Hạ tầng vùng sản xuất nông giống tập trung huyện Thái Thụy	3391 30/8/2016; 4060 18/10/2021 5023 23/12/2022; 4236/QĐ-BNN-KH ngày 13/10/2023; 4589 /QĐ-BNN-TS ngày 2/11/2023	95.000	85.000	80.000				5.000		85.000			
43	212000036396	Hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung huyện Lương Tài	3344 26/7/2021	135.000	80.000	80.000			77.000			3.000			
44	212000037156	Xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ di dời dân cư khẩn cấp khỏi khu vực có nguy cơ cao xảy ra sạt lở đất, lũ ống, lũ quét	4230 29/10/2021	700.000	700.000	700.000			700.000						
45	212000036367	Hệ thống ô bao lớn kiểm soát mặn vùng triều biển Đông Phong Hiệp - Long Mỹ	3359 26/7/2021	216.000	200.000	200.000			190.000			10.000			
46	212000036378	Hồ EaKhai GD1	3322 23/7/21	610.000	610.000	300.000			260.000			40.000			
47	212000025511	Hồ Thủy Cam	3311 23/7/2021	530.450	530.450	350.000			340.000			10.000			
48	212000036362	Công trình thủy lợi vùng Nam Mãng Thít	3222 20/7/21	1.039.200	894.700	593.000			586.000			7.000			

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
49	212000036384	Cum công trình Tắc Thủ và các công trình thủy lợi ven biển Tây	3224 20/07/2021; 2668 12/7/2022;	714.283	714.283	400.000			360.000			40.000			
50	212000025513	Hồ Trường Đồng	3155 19/7/21	761.000	761.000	100.000			90.000			10.000			
33	212000036368	Sửa chữa, nâng cấp Hệ thống Bắc Hưng Hải GD2	4766 8/12/22 4503 27/10/2023	1.330.887	1.125.800	650.000				350.000		1.000.000			
34	212000037115	Sửa chữa, nâng cấp HTTL Bắc Nam Hà và HTTL Xuân Thủy	3234 21/7/21	822.000	822.000	400.000				350.000		750.000			
35	212000037110	Cum hồ Bán Phú, Nậm Là	3193 04/8/2023	998.000	998.000	400.000				100.000		500.000			
36	212000025516	Hồ Chà Rang	3310 23/7/21; 5073 27/11/22	551.000	551.000	150.000				200.000		350.000			
37	212000036374	Hệ thống dẫn nước hồ Sông Chò 1	4229 29/10/21; 3901 19/9/2023	1.310.000	1.310.000	650.000				350.000		1.000.000			
38	212000036381	Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam sông Hậu	3223 20/07/21; 1706 12/5/22;	900.000	900.000	470.000				410.000		880.000			
39	212000036401	Nâng cấp, mở rộng Khu neo đậu tránh trú bão kết hợp cảng cá Tịnh Hòa	3386/ 27/7/21	460.000	400.000	200.000				150.000		350.000			
40	212000037026	Đầu tư cơ sở vật chất, tăng cường năng lực cho một số Trung tâm Chất lượng NLTS Vùng	3184 19/7/21; 3646 27/9/22	145.000	145.000	125.000				20.000		145.000			
c		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025								953.000					
41	212000012850	Hồ chứa nước Cảnh Tạng	491/QĐ-TTg, 15/4/2017	3.115.000	2.878.000	1.602.000				700.000		2.302.000			
42	212000027531	HTTL Đá Hòn	4131 29/9/2014	603.144	603.144	480				170		650			

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
43	212000012881	HTTL Trạm bơm công Xuân Hòa	1100 31/3/2017	250.000	250.000	10.500				350		10.850			
44	212000012883	Kênh Mây Phốp - Ngã Hệu	1101 31/3/2017	450.000	450.000	17.000				526		17.526			
45	212000012792	HTTL Bắc Bến Tre	824 02/4/2010; 3679 12/9/2017; 4704 05/12/2022	2.123.601	2.123.601	38.000				23.954		61.954			
46	212000001748	HTTL Khe Lai - Vực Mầu (GD 1)	1609 11/6/2009; 4228 29/10/2021	627.812	627.812	400.000				20.000		420.000			
47	212000012794	Hồ chứa nước Krông Pách Thượng	2241 18/6/19; 2509 05/07/22	4.415.901	3.909.477	1.350.200				150.000		1.500.200			
48	212000036513	Dự án Quản lý tổng hợp rủi ro lũ lụt thích ứng biến đổi khí hậu (Thành phần Bộ NN&PTNT)	223/QĐ-TTg ngày 7/03/2024	3.341.292	1.163.482	4.000				58.000		62.000			
II		Ngành giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp								5.000	5.000				
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C								5.000	5.000				
		Thu hồi vốn ứng trước								5.000	5.000				
49	211000038042	ĐT PT dạy nghề chất lượng cao sử dụng vốn ODA của Pháp của Trường Cao Đẳng Cơ Khí Nông Nghiệp	2881 12/07/201	254.880	254.880					5.000	5.000	5.000		5.000	
III		Khoa học, công nghệ								33.000	33.000				
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C								33.000	33.000				
		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								33.000	33.000				
50	212000037032	Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất Viện Khoa học nông nghiệp Việt Nam	3185 19/7/2021	231.000	231.000	191.000			33.000			158.000			
51	212000037102	Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng các Viện lĩnh vực lâm nghiệp	3241 21/7/2021	190.000	190.000	150.700				33.000		183.700			



Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CƠN ĐỐI NGẮN KHÁCH TRUNG ƯƠNG
(Kế hoạch Quyết định số 179/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Tên dự án	Mã tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; nghị định, sửa ban hành	Quyết định chi tương đương tại Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trong hạn giai đoạn 2021-2025 Thế tương Chính phủ để giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trong hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch đầu tư công trong hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú				
							TMDT							Trong đó:		Tà số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi trả cho các nhiệm vụ, dự án				Trong đó:						
							Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Vốn đối ứng		Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiêu Việt) đưa vào cân đối NSTW		Tổng số		Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (tính theo tiêu Việt) đưa vào cân đối NSTW	
								NSTW	NSDF	Tình bằng nguyên tệ	Quy định tại Việt				Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiêu Việt) đưa vào cân đối NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiêu Việt) đưa vào cân đối NSTW		
Dùng vào	Vay lại																									
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN																										
1		Nông nghiệp, lâm nghiệp, di sản văn hóa, du lịch và thủy sản														356.800	71.000	69.800	69.800							
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C														356.800	71.000	69.800	69.800							
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025														356.800	71.000	69.800	69.800							
1	21100002205	Dự án Cải thiện nông nghiệp số nước (WB)	WB			3499/QĐ-BNN-HTQT ngày 16/10/2019 4419/QĐ-BNN-HTQT ngày 04/11/2020	4.431.000	633.000	411.450	180 triệu USD	3.798.000	3.798.000	458.391	134.238		354.333	10.000					478.591	134.238	354.333		
2	21100002206	Dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi Bắc Nghệ An (JICA)	JICA			1529/QĐ-BNN-TCTL ngày 14/4/2012	5.205.434	872.044	500.321	230,162 triệu USD	4.833.410	4.833.410	1.833.056	265.356		1.587.700	131.000					1.722.056	134.356	1.587.700		
3	21100002203	Dự án Phục hồi và quản lý hệ sinh thái vùng phòng hộ (JICA)	JICA			319/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/02/2012; 3535/QĐ-BNN-HTQT ngày 10/9/2021	492.644	347.843	107.027	240,841 triệu USD	144.776	144.776	23.127	23.127			13.877					9.450	9.450			
4	21100002492	Dự án Quản lý nước Bắc Tân (JICA)	JICA			3719/QĐ-BNN-XD ngày 30/12/2014; 412/QĐ-BNN-XD ngày 16/02/2017; 2403/QĐ-BNN-XD ngày 13/10/2021; 2548/QĐ-BNN-XD ngày 06/07/2022	6.191.338	928.681	928.681		5.262.657	5.262.657	5.276.751	809.195		4.467.556	201.323						5.075.428	607.872	4.467.556	
5	211000038003	Hiệu quả hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu (Thành phần B4 JICA/JTF/CAMP-ADB)	ADB			1525/QĐ-BNN-HTQT ngày 14/4/2023	439.337	69.349	69.349	16 triệu USD	369.988	369.988	40.800			60.000		21.000				81.000	21.000	60.000		
6	21200025354	Dự án Phát triển thủy sản bền vững	WB			1817/27/4/2021; 392/QĐ-TTg ngày 30/2/2023	2.679.615	703.821	703.821,370	115,6 triệu USD	1.975.793		8.200	8.200			50.000						58.200			
7	21100002207	Sơ cứu vệ sinh an toàn thực phẩm (WB)	WB			4638/QĐ-BNN-HTQT ngày 09/11/2018, 5164/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/12/2011, 595/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/02/2020	9.961.500	630.000	180.000	450.000	9.337.500	7.985.941	1.351.559	1.131.473	100.000		1.031.473		69.000			1.062.473	100.000	962.473		
8	21100002210	Chương trình hỗ trợ xây dựng và nâng cấp hệ thống thủy lợi vùng Đồng bằng sông Cửu Long (MĐ-MCR-LL) - WB	WB			1693/QĐ-BNN-HTQT ngày 05/5/2014	8.577.332	1.670.332	307.152	1.363.280	6.906.800	5.847.181	1.059.619	1.076.324	184.852		891.672		69.000			1.145.324	184.852	960.472		



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Tên dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:			Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB	
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI																	
Giao thông																	
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																	
		Thu hồi vốn ứng trước và thanh toán nợ xây dựng cơ bản								12.303.265	11.526.426	509.538					
										12.303.265	11.526.426	509.538					
										12.303.265	11.526.426	509.538					
										192.430	509.538	509.538					
1	212000033445	Lập dự án đầu tư đường cao tốc Việt Trì-Lào Cai	Thu hồi ứng theo QĐ của TTGCP	2.772	2.772	2.751	2.751				21	21	2.772		2.772		
2	212000033468	Lập DC dự án Cầu, Nối QL53 đoạn km67-km114 Trì Vinh	3046/QĐ-BGTVT ngày 20/10/2009	1.040.000	1.040.000	442	442				1	1	443		443		
3	212000033486	QL55	1338/QĐ-BGTVT ngày 20/6/2006	141.684	141.684	2.929	2.929				1	1	2.930		2.930		
4	212000033502	Tuyển tránh TX Bạc Liêu	1726/QĐ-GTVT; 27/4/09	204.145	204.145	39.655	39.655				1	1	39.656		39.656		
5	212000033506	Cầu Rạch Miễu	3769/QĐ-BGTVT ngày 18/12/2009	1.304.613	693.023	30.000	30.000				68.208	68.208	98.208		98.208		
6	212000033507	Vốn NSNN góp cho DA BOT QL 2 (Đoạn Nội Bài - Vĩnh Yên)	3263/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2016	772.754	276.042	12.666	12.666				30.001	30.001	42.667		42.667		
7	212000033508	QL10 Tân Đệ - La Uyển (chỉ tính phần GPMB, TTGCP cho sử dụng vốn ứng trước KH)	98/QĐ-TASCO ngày 20/6/2008	432.786	121.583	17.200	17.200				14.512	14.512	31.712		31.712		
8	212000033514	QL 25 đoạn Km 99+300 - Km111	3333/QĐ-GTVT; 30/10/07; 1981/QĐ-BGTVT; 4/7/09	101.491	101.491	16.005	16.005				6.957	6.957	22.962		22.962		
9	212000033517	Dự án xây dựng cầu Đồng nai	1408/QĐ-BGTVT; 20/5/08	617.649	617.649	30.000	30.000				19.385	19.385	49.385		49.385		
10	212000033520	Đường vào làng VHDL	3446/QĐ-BGTVT ngày 13/11/2008	158.907	158.907	56.863	56.863				1	1	56.864		56.864		
11	212000033535	Khảo sát, lập DA ĐT-DA thành phần ĐTXD đoạn đường kết nối giữa đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình với Quốc lộ 1-Giai đoạn II	4142/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2014 của BGTVT	2.374.604	2.374.604	803	803				197	197	1.000		1.000		
12	212000033537	Dự án ĐTXD mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km1195-Km1265 tỉnh Bình Định và tỉnh Phú Yên	QĐ 1879/QĐ-BGTVT ngày 08/8/2012; QĐ 2258/QĐ-BGTVT ngày 14/9/2012	14.313	14.313	390	390				1	1	391		391		
13	212000033552	Cải tạo nền, mặt đường và công trình đoạn Km 33-Km 47 và Km 58-Km 80 trên Quốc lộ 4B	QĐ 1796/QĐ-BGTVT ngày 24/6/2010; 3697/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2010.	1.574	1.574	989	989				1	1	990		990		
14	212000033572	Dự án Đường sắt Thống nhất	Quyết định số 2667/QĐ-BGTVT ngày 15/4/8/2001; 2815/QĐ-BGTVT ngày 22/9/2004; 1244/QĐ-BGTVT ngày 26/12/2012; 660/QĐ-ĐS ngày 24/5/2012; 4773/QĐ-BGTVT ngày 13/12/2005; 616/QĐ-BGTVT ngày 12/3/2004; 2538/QĐ-BGTVT ngày 15/8/2007; ...	1.849.662	1.849.662	84.836	84.836				1.394	1.394	86.230		86.230		
15	212000011408	Dự án mở rộng QL1 đoạn Mỹ Thuận - Cần Thơ	1505/QĐ-BGTVT 21/5/2007; 3536/QĐ-BGTVT 20/11/2008; 1412/QĐ-TCĐBVN 1/9/2011	1.823.518	1.823.518	462.065	462.065				57.271	57.271	519.336		519.336		



TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:			Điều chỉnh tăng	Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB			Tổng số	Thu hồi vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư
16	212000033594	Nối đường trục cấp quang giữa trung tâm thông tin quân đội với trung tâm thông tin đường sắt Hà Nội-HP	2553/QĐ-BGTVT ngày 23/11/2006	49.098	49.098	221		221		1.606	1.606	1.827		1.827	
17	212000033595	Nâng cấp kết hợp hàn ray km 175+000-km 185+000 ĐS TPHCM	455/QĐ-ĐS ngày 12/4/06	29.999	29.999	9.743		9.743		9.363	9.363	19.106		19.106	
18	212000033596	Dự án Mở Ga Hải Vân tuyến ĐSTN	2948/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2006	71.357	71.357	295		295		26.092	26.092	26.387		26.387	
19	212000056680	Dự án Cải tạo nâng cấp QL14B đoạn Tân An - Phước Sơn Km32+307-Km79+152 tỉnh Quảng Nam	4104/QĐ-BGTVT-KHBT 04/12/2001	165.903	165.903					7.210	7.210	7.210		7.210	
20	212000056681	Nâng cấp mở rộng đoạn Km460+500-km 463+781(Qua TT ĐakH) QL 14 tỉnh Kon Tum	2213/QĐ-KHBT 27/09/2001	16.473	16.473					46	46	46		46	
21	212000056682	Nâng cao quốc lộ 30 Cao Lãnh Hồng Ngự (Khắc phục 10 QL30 tỉnh Đồng Tháp)	1632/QĐ-BGTVT 25/5/2001; 1899/QĐ-BGTVT 15/6/2001	51.158	51.158					835	835	835		835	
22	212000056683	Nâng cao quốc lộ 8Đ Rạch Giá Hà Tiên	1633/QĐ-BGTVT 25/5/2001; 1785/QĐ-BGTVT 07/6/2001	78.526	78.526					200	200	200		200	
23	212000056684	Cầu Trại Sư quốc lộ 91 An Giang	1816/QĐ-BGTVT 11/06/2001	31.795	31.795					419	419	419		419	
24	212000056685	Sửa chữa Cầu Bến Lức (Dự án sửa chữa, nâng cấp cầu Bến Lức Km193+314, QL1, tỉnh Long An)	3927/QĐ-GTVT 13/12/2007	16.340	16.340					2.000	2.000	2.000		2.000	
25	212000056686	Sửa chữa Cầu Tân An (Dự án sửa chữa, nâng cấp cầu Tân An, Km1947+417, QL1, tỉnh Long An)	630/QĐ-BGTVT 16/3/2004	13.648	13.648					1.849	1.849	1.849		1.849	
26	212000000049	Dự án BOT mở rộng QL1 đoạn Thị xã Đông Hà - Quảng Trị (chỉ tính phần hỗ trợ GPMB)	3954/QĐ-BGTVT ngày 17/12/2007	476.855	476.855					1	1	1		1	
27	212000000050	Xây dựng BV các công trình là lụt miền trung ĐSTN Km 521+800 -Km 1095+540	1484/QĐ-BGTVT ngày 27/5/2008	484.482	484.482					94.891	94.891	94.891		94.891	
28	212000000051	Cầu Tư Hiền	2960/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2006	156.841	156.841					131	131	131		131	
29	212000000052	Dự án nâng cấp cải tạo Quốc lộ 26 đoạn nội ô thành phố Buôn Ma Thuột	109/QĐ-BGTVT ngày 17/04/2008	87.566	87.566					27.840	27.840	27.840		27.840	
30	212000000053	Dự án cầu vượt đường sắt (Km0+179,32 - QL9) thị xã Đông Hà	4697/KHBT ngày 07/11/1995	20.000	20.000					177	177	177		177	
31	212000000054	Cầu Bàn Tăng, Quốc lộ 4B	1812/QĐ-KHBT ngày 28/8/2001	2.560	2.560					71	71	71		71	
32	212000000055	Dự án Quốc lộ 1A đoạn tránh Thành phố Thanh Hóa	2988/QĐ-BGTVT ngày 02/10/2008	822.201	173.000					6.000	6.000	6.000		6.000	
33	212000000056	Hệ thống đường ngang tuyến đường sắt Thống nhất	1244/QĐ- BGTVT ngày 26/4/2022	316.297	316.297					18.777	18.777	18.777		18.777	
34	212000000057	Đường ga công kiến trúc	614/QĐ/BGTVT ngày 12/3/2004	190.433	190.433					8.927	8.927	8.927		8.927	
35	212000000058	Cầu L < 50m	615/QĐ-BGTVT ngày 12/3/2004	123.409	123.409					866	866	866		866	
36	212000000059	Thay ray nhỏ các cầu L>25 m TTTH từ Vinh - Sài Gòn	2025/QĐ-BGTVT 15/8/2001	400.000	400.000					6.560	6.560	6.560		6.560	
37	212000000060	Đường, ga, kiến trúc, công trên ĐSTN	2727/KHBT 15/6/1996	208.630	208.630					3.058	3.058	3.058		3.058	
38	212000000062	Bền vững cơ sở hạ tầng đường sắt Miền Trung	1540/QĐ-BGTVT 12/6/2000	248.285	248.285					23	23	23		23	
39	212000000064	Dự án thay ray nhỏ, các cầu có L<25m và TTTH từ Vinh đến Sài Gòn	2025/QĐ-BGTVT 15/8/2001	54.174	54.174					4.134	4.134	4.134		4.134	
40	212000000065	Tiểu dự án GPMB xây dựng cầu mới Đồng Nai	1302/QĐ-ĐS 14/12/2011	578.644	578.644					10.992	10.992	10.992		10.992	
41	212000000066	Cải tạo, kéo dài đường CHC cảng hàng không sân bay Vinh	570/QĐ-CHK 29/08/2002	53.404	53.404					29.955	29.955	29.955		29.955	
42	212000000067	Xây dựng khu dân dụng Cảng HK sân bay Pleiku	180/QĐ-CHK 22/03/2001	25.879	25.879					149	149	149		149	

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn và NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt				Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn và NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn và NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Chi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
43	211000018047	Dự án xây dựng hệ thống giao thông thông minh (ITS) cho đường ô tô cao tốc TP HCM - Trung Lương	116/QĐ-BQTVT 19/01/2011; 1059/QĐ-BQTVT 11/5/2012; 1580/QĐ-BQTVT 10/6/2013; 2763/QĐ-BQTVT 03/8/2015	803.627	803.627						49.414	49.414	49.414		49.414	
44	21200002638	Công trình "Xây dựng các hạng mục công trình thuộc giai đoạn 2, kế hoạch 1856 theo lệnh khẩn cấp".	1675/QĐ-ĐS ngày 30/11/2012; 1241/QĐ-ĐS ngày 11/9/2012; 1136/QĐ-ĐS ngày 24/8/2012	1.756.172	1.756.172	284.000		284.000	640			283.360		283.360		
45	21200002639	Dự án "Cải tạo, nâng cấp tái trong các yêu cầu lại trên tuyến đường sắt Hà Nội - Tp.HCM"	QĐ số 3303/QĐ-BQTVT ngày 31/10/2008	1.432.799	1.432.799	308.011		308.011	71.830			236.181		236.181		
46	212000033479	ĐT XD cầu Vàm Cống "Khai nối khu vực trung tâm đồng bằng Sông Cửu Long"(đoạn nối QL91 và tuyến tránh TP Long Xuyên)	Thu hồi ứng theo QĐ của TT.GP	4.500	4.500	4.500		4.500	640			3.860		3.860		
47	212000033480	Lắp DADT xây dựng công trình cầu Vàm Cống "khai nối khu vực trung tâm đồng bằng Sông Cửu Long"(vị trí cầu Vàm Cống mới và tuyến nối giữa 2 cầu)	Thu hồi ứng theo QĐ của TT.GP	7.300	7.300	7.300		7.300	1.670			5.830		5.830		
48	212000033483	Sửa chữa mặt cầu Thăng Long (GD II)	1723/QĐ-BQTVT 16/6/2009	92.562	92.562	74.770		74.770	52.770			22.000		22.000		
49	212000033488	QL 28 Km121 - Km178+600 và kiến cổ hoá.	715/QĐ-BQTVT ngày 16/7/2002	123.104	123.104	25.000		25.000	540			24.460		24.460		
50	212000033492	QL39 đoạn km30+650-km36+160 (Phần vốn NSTW)	1618/QĐ-BQTVT, 03/6/2009; 439/QĐ-BQTVT, 23/2/2010	740.949	740.949	50.185		50.185	5.900			44.285		44.285		
51	212000033501	Cần Linh Cảm, QL15 A	1607/QĐ-BQTVT; 10/9/2010	231.464	231.464	78.934		78.934	470			78.464		78.464		
52	212000033504	Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Trung Lương - Mỹ Thuận	3173/QĐ-BQTVT	670.778	670.778	120.922		120.922	7.140			113.782		113.782		
53	212000033512	QL24 đoạn qua thị xã Kan Tum	2559/QĐ-BQTVT ngày 16/8/2007	64.896	64.896	21.748		21.748	7.660			14.088		14.088		
54	212000033515	Cầu Hương An QL 1	1663/QĐ-BQTVT ngày 11/6/2008 và 2792/QĐ-BQTVT ngày 06/12/2011	143.662	143.662	30.000		30.000	7.160			22.840		22.840		
55	212000033521	QL 34 (Trà Vinh)	Thu hồi ứng theo QĐ của TT.GP	201.093	201.093	29.000		29.000	4.610			24.390		24.390		
56	212000030163	Cầu Nhà Cạn và 500m đường nối vào cầu (QL4A) tỉnh Cao Bằng	2328/QĐ-BQTVT 10/8/2009	89.591	89.591	2.319		2.319	890			1.429		1.429		
57	212000030180	Dự án đường nối QL4A với QL3 (tránh thị xã Cao Bằng - nay là thành phố Cao Bằng)	959/QĐ-BQTVT 29/12/2016	381.530	381.530	59.000		59.000	14.240			44.760		44.760		
58	212000030184	Dự án nâng cấp QL50 - DATP	430/QĐ-TCCBVN 31/3/2010	1.782.173	1.782.173	51.365		51.365	680			50.685		50.685		
59	212000030191	Dự án cải tạo, nâng cấp QL3B đoạn Xuất Hóa - Cầu khẩu Pô Mĩ, tỉnh Lạng Sơn (đồng giới)	Số 3314/QĐ-BQTVT ngày 31/10/2008	1.356.485	1.356.485	6.174		6.174	720			5.454		5.454		
60	212000030193	Dự án cải tạo, nâng cấp QL31 đoạn Hữu Sản - Bàn Chấu, tỉnh Lạng Sơn	2163/QĐ-BQTVT 22/7/2008	1.010.397	1.010.397	5.570		5.570	3.000			4.850		3.000	1.850	
61	212000030206	QL34 đoạn Km 28 - 31+200 (Thị trấn Minh Ngọc) huyện Bắc Mã, tỉnh Hà Giang	515/QĐ-CDBVN ngày 03/5/2007	30.511	30.511	12.381		12.381	1.860			10.521		10.521		
62	212000033563	Khảo sát, lập dự án nâng cấp cải tạo QL34 đoạn Ca Thành - Nguyễn Bình (Km182 - Km212 +600) và đèo Mĩ Phục - Cầu khẩu Trà Lĩnh (Km276 - Km 295)	627/QĐ-SQTVT Ngày 10/6/2011	4.457	4.457	3.000		3.000	350			2.650		2.650		
63	212000033384	Nâng cấp ĐS Hà Nội - Lạng Sơn	2477/QĐ-BQTVT ngày 13/8/08	641.651	641.651	227.904		227.904	450			227.454		227.454		
64	212000033588	Dự án Ga cổ Đường sắt KV đèo Hải Vân theo lệnh khẩn cấp	1941/QĐ-ĐS ngày 30/12/2009	230.539	230.539	97.000		97.000	490			96.510		96.510		

TT	Mã dự án	Tên dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Thanh toán nợ XDCB
65	212000033591	Xây dựng mới 3 cầu theo lệnh khẩn cấp: Đồng Nai, Tam Bạc, Thị Cầu	1303/QĐ-ĐS ngày 14/12/2011; 1302/QĐ-ĐS ngày 14/12/2012	1.496.192	1.496.192	300.000		300.000		11.000		289.000		289.000	
b		Dự án hoàn thành, đã bàn giao, đi vào sử dụng trước năm kế hoạch								339.905	59				
66	212000022815	Cải tạo, nâng cấp mặt đường tuyến Quận Lê-Phụng Hiệp	2372/QĐ-BGTVT 02/11/2018; 450/QĐ-BGTVT 11/3/2019	900.000	900.000	236.269	-			34.825		201.444			
67	212000030227	Dự án kéo dài và nâng cấp đường tại thị trấn, đường lán và sân đỗ máy bay Cảng hàng không	890/QĐ-CHK ngày 11/6/2014	943.800	943.800	300.000				300.000		-			
68	212000030209	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 54 (giai đoạn 2), tỉnh Đồng Tháp	2950/QĐ-BGTVT ngày 04/8/2014	220.827	202.827	194.000					59	194.059			
69	212000030175	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3 cũ đoạn Km34+500 - Km38+500, tỉnh Thái Nguyên	4354/QĐ-BGTVT ngày 17/11/2014	134.350	134.350	97.000				5.080		91.920			
c		Chuẩn bị đầu tư								426.203	26.795				
70	212000025247	Cải tạo tuyến đường sắt khu vực đèo Hải Vân	265/QĐ-BQLDA ĐS 27/11/2019	2.176	2.176	1.176	1.176			1.170		6	6		
71	212000025248	Cải tạo các cầu yếu còn lại trên tuyến Đường sắt Thống Nhất	264/QĐ-BQLDA ĐS 27/11/2019	1.360	1.360	860	860			860		-			
72	212000025249	Cải tạo, nâng cấp đường sắt tuyến Hà Nội - Hải Phòng	263/QĐ-BQLDA ĐS 27/11/2019	1.065	1.065	565	565			560		5	5		
73	212000025217	Chuẩn bị đầu tư dự án đường bộ cao tốc đoạn TP. Hồ Chí Minh - Chơn Thành	2412/QĐ-BĐHCM 30/10/2019	3.168	3.168	2.668	2.668			2.660		8	8		
74	212000025218	Chuẩn bị đầu tư dự án đường bộ cao tốc đoạn Tân Phú - Bảo Lộc	1963/QĐ-BGTVT 18/10/2019; 3762/QĐ-BQLDATL 29/10/2019	475	475	275	275			275		-			
75	212000034009	Dự án Đường sắt vào cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Lạch Huyện)		35.500.000	35.500.000	23.000	23.000			23.000		-			
76	212000034010	Đường sắt Biên Hòa - Vũng Tàu		56.883.000	56.883.000	9.000	9.000			5.680		3.320	3.320		
77	212000025228	Chuẩn bị đầu tư dự án đường bộ cao tốc phía Đông đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ	2411/QĐ-BĐHCM ngày 30/10/2019	2.121	2.121	1.621	1.621			1.620		1	1		
78	212000025236	Chuẩn bị đầu tư dự án đường bộ cao tốc đoạn Bảo Lộc - Liên Khương	3763/QĐ-BQLDATL ngày 29/10/2019	439	439	239	239			239		-			
79	212000025237	Chuẩn bị đầu tư dự án đường bộ cao tốc đoạn Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng	1987/QĐ-CIPM ngày 19/10/2019	2.119	2.119	1.619	1.619			1.079		540	540		
80	212000036853	Đường sắt thành phố Hồ Chí Minh - Cần Thơ		158.000.000	158.000.000	23.000	23.000			17.060		5.940	5.940		
81	212000036865	Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam		1.344.459.000	1.344.459.000	522.000	522.000			372.000		150.000	150.000		
82	212000034011	Đường sắt nhẹ Thủ Thiêm - Long Thành		25.000.000	25.000.000	4.000	4.000				392	4.392	4.392		
83	212000034012	Đường sắt vành đai phía Đông; Ngạc Hội - Lạc Đạo		9.976.000	9.976.000	3.000	3.000				2.328	5.328	5.328		
84	212000012752	Đường sắt vành đai phía Đông; Ngạc Hội - Lạc Đạo	3834/QĐ-BGTVT, 29/11/2016	60.000	60.000	35.510	8.540				20.667	56.177	56.177		
85	212000038203	Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Cổ Tiễn - Chợ Bến		7.420	7.420	4.625	4.625				2.795	7.420	7.420		
86	212000038244	Nâng cấp, mở rộng quốc lộ 1 đoạn thành phố Cà Mau đến Năm Căn, tỉnh Cà Mau		2.242	2.242	1.856	-				386	2.242	2.242		
87	212000038245	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Chí Minh đoạn Năm Căn đến Đầm Hải, tỉnh Cà Mau		1.540	1.540	1.313	-				227	1.540	1.540		
d		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025								5.394.392	930.690				
88	212000002520	Đầu tư nâng cấp QL37 đoạn từ Km280-Km340 - Yên Bái (trước mặt làm đơn qua đèo Đồi Quang và Đèo Mý km315-km330 để đảm bảo ATGT - Dự toán 284,627 tỉ đồng)	3910/QĐ-BGTVT 30/12/2009; 644/QĐ-BGTVT 26/4/2021	427.165	427.165	240.465		19.441			30.000	270.465	-	19.441	
89	212000022843	Cầu Mỹ Thuận 2 và đường dẫn hai đầu cầu	2199/QĐ-BGTVT 10/10/2018	5.003.064	5.003.064	3.020.311	-				12.500	3.032.811	-		
90	212000002588	Đầu tư xây dựng CT nâng cấp QL32C đoạn Hiền Lương - TP Yên Bái (Km79+00 - Km96+500)	4541/QĐ-BGTVT 02/12/2014; 627/QĐ-BGTVT 23/4/2021	371.280	371.280	170.000					130.000	300.000	-		
91	212000025300	Dự án đường bộ cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ	1863/QĐ-BGTVT 08/10/2019; 1170/QĐ-BGTVT 17/06/2020	4.826.230	4.826.230	3.894.230					426.190	4.320.420	-		

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh				Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
92	212000025222	Dự án đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn trình phía Đông thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	1363/QĐ-BGTVT 27/10/2023 1512/QĐ-BGTVT 20/11/2023	1.841.095	1.841.095	1.464.462					332.000		1.796.462				
93	21200003347	Cải tạo, nâng cấp QL 279B, tỉnh Điện Biên	916/QĐ-BGTVT 25/3/2016; 2403/QĐ-BGTVT 23/12/2020	394.036	394.036	364.036				44.713			319.323				
94	212000012779	Dự án nâng cấp QL 15 đoạn qua tỉnh Hòa Bình và Thanh Hóa - Tiểu dự án 3 (km 53 -km 109)	1018/QĐ-BGTVT 25/3/2020	1.051.663	1.051.663	498.413				43.413			455.000				
95	212000012780	Dự án cải tạo, nâng cấp QL37 đoạn qua tỉnh Thái Bình và cầu sông Hóa (KCM)	979/QĐ-BGTVT 31/3/2016; 2454/QĐ-BGTVT 29/12/2020; 954/QĐ-BGTVT 28/5/2021	679.312	679.312	649.312				95.796			553.516				
96	212000022842	Phan Thiết - Dầu giầy	1470/QĐ-BGTVT 31/7/2020	12.577.487	12.577.487	9.017.526		46.667		664.298			8.353.228		46.668		
97	212000002524	QL279 đoạn Phố Ràng - Khau Co (Km67-Km158) tỉnh Lào Cai (GĐ1 làm đoạn phố Ràng - Tân An km67 - km 92 - TMBT 517,840 tỉ đồng)	3206/QĐ-BGTVT 12/12/2012; 141/QĐ-BGTVT 14/01/2021	517.840	517.840	170.960			47.356	15.700			155.260				47.356
98	212000002525	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp QL4E Km0-Km44+600 tỉnh Lào Cai	4035/QĐ-BGTVT 24/10/2014; 140/QĐ-BGTVT 14/01/2021	527.795	527.795	211.793			80.057	34.093			177.702				80.057
99	212000002487	Dự án nâng cấp mở rộng QL15A đoạn qua Khu di tích Trường Bồn, tỉnh Nghệ An	821/QĐ-BGTVT 29/4/2020	721.641	721.641	486.641				76.696			409.945				
100	212000002585	QL37 đoạn Km23+200-Km47+888, tỉnh Hải Dương	3117/QĐ-BGTVT 30/10/2009; 808/QĐ-BGTVT 04/5/2021	1.192.247	1.192.247	337.843		9.440		84.790			253.055		9.440		
101	212000002590	Đầu tư QL36 - Tuyến tránh Thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1295/QĐ-BGTVT 14/6/2011; 551/QĐ-SGTVT 16/10/2019; 1577/VPCP-KTTH 11/3/2021	1.167.216	433.374	263.374				147.670			115.704				
102	212000002591	Cải tạo, nâng cấp QL61B (đoạn ngã ba Vĩnh Tường - TT. Long Mỹ)	602/QĐ-BGTVT 04/3/2014; 392/QĐ-BGTVT 17/3/2021	340.000	340.000	230.000				26.366			203.634				
103	212000002592	Đầu tư xây dựng công trình cải tạo nâng cấp QL63 đoạn Km74+200-Km112+782 tỉnh Cà Mau (trước mắt làm đoạn km110+323-km112+782)	1782/QĐ-BGTVT 25/6/2010	1.255.079	1.255.079	261.616				58.820			202.796				
104	212000031543	Đầu tư mở rộng một số cầu trên QL1 đoạn qua tỉnh Tiền Giang	2575/QĐ-TCBBVN 12/6/2020	160.000	160.000	120.000				18.060			101.940				
105	212000025784	Dự án cải tạo, nâng cấp đường cắt hệ chính, đường lan Càng hàng không quốc tế Tân Sơn Nhất	1005/QĐ-BGTVT 22/5/2020	2.015.310	2.015.310	1.159.310				276.134			883.176				
106	212000022810	Tuyến đường bộ nối cao tốc Hà Nội-Hải Phòng với cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình	2865/QĐ-BGTVT 28/12/2018; 595/QĐ-BGTVT 20/4/2021	3.755.040	3.755.040	1.979.000				455.139			1.523.861				
107	212000002519	Dự án đầu tư nâng cấp QL279 đoạn Việt Vinh - Nghĩa Đô (Km0-Km36) tỉnh Hà Giang	1594/QĐ-BGTVT 09/6/2010; 809/QĐ-BGTVT 05/5/2021	584.346	584.346	398.246				39.040			359.206				
108	212000002593	Đầu tư mở rộng nâng cấp QL49B đoạn Thuận An - Tu Hiến - QL1A	3114/QĐ-BGTVT 29/10/2010; 845/QĐ-BGTVT 13/5/2021	222.550	222.550	32.550				6.630			25.920				
109	212000002594	QL21B đoạn Km41 - Km57+950 (Chợ Dầu - Ba Đa), tỉnh Hà Nam	3449/QĐ-BGTVT 24/9/2015; 896/QĐ-BGTVT 21/5/2021	525.887	525.887	438.340				57.033			381.307				

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vào NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vào NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vào NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú			
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Tổng số		Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB					Tổng số	Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
110	21200002579	Dự án cải tạo nền, mặt đường và công trình đoạn Km9-Km29 và Km40-Km66 trên QLAA tỉnh Lạng Sơn	505/QĐ-BGTVT 24/02/2014; 587/QĐ-BGTVT 19/4/2021	488.999	488.999	322.499		1.500		197.710		124.789		1.500		
111	212000025291	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 1A đoạn từ thị xã NGHỆ BAY, tỉnh Hậu Giang đến huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng	553/QĐ-BGTVT 07/4/2020; 2288/QĐ-BGTVT 11/12/2020	1.681.751	1.681.751	1.675.851				191.140		1.484.711				
112	212000025295	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 27 các đoạn còn lại trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận	508/QĐ-BGTVT 31/3/2020; 3756/QĐ-TCBTVN 03/9/2020	216.563	216.563	211.976				66.890		145.086				
113	212000022790	Dự án cải tạo, nâng cấp các cầu yếu và gìn cố trụ chống và xô trên tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	314/QĐ-BGTVT 22/2/2019; 1791/QĐ-BGTVT 30/9/2019	1.949.396	1.949.396	1.227.960				100.710		1.127.250				
114	212000022791	Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 3B đoạn Xuất Hóa - cửa khẩu Pò Mả (Km0 - Km56+600)	354/QĐ-BGTVT 27/02/2019	755.000	755.000	290.621				79.540		211.081				
115	212000022795	Dự án gia cố các hầm yếu kết hợp mở mới các ga và cải tạo kiến trúc tầng trên đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - TP. Hồ Chí Minh	2877/QĐ-BGTVT 28/12/2018; 1976/QĐ-BGTVT 16/10/2019	1.799.927	1.799.927	1.405.052				156.580		1.248.472				
116	212000022809	Dự án cải tạo nâng cấp các công trình thiết yếu đoạn Hà Nội-Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội-TP. HCM	2708/QĐ-BGTVT 17/12/2018; 2114/QĐ-BGTVT 08/11/2019	1.398.703	1.398.703	1.070.848				55.450		1.015.398				
117	212000022811	Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên quốc lộ 24	2854/QĐ-BGTVT 21/12/2018; 1661/QĐ-BGTVT 05/9/2019	998.714	998.714	553.635				75.870		477.765				
118	212000022812	Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên quốc lộ 25	2855/QĐ-BGTVT 27/12/2018; 2213/QĐ-BGTVT 27/11/2020	848.215	848.215	534.665				51.210		483.455				
119	212000022813	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 53 đoạn Trà Vinh-Lạng Tôan, tỉnh Trà Vinh	2818/QĐ-BGTVT 26/12/2018	1.201.250	1.201.250	337.625				70.730		266.895				
120	212000022814	Cải tạo, nâng cấp quốc lộ 57 đoạn từ bến phà Đinh Khảo đến thị trấn Mộ Cay, tỉnh Bến Tre, Vĩnh Long	2458/QĐ-BGTVT 14/11/2018; 535/QĐ-BGTVT 27/9/2019	945.000	945.000	244.000				46.122		197.878				
121	212000022818	Cao Bô - Mai Sơn	1584/QĐ-BGTVT 24/7/2018	1.607.409	1.607.409	390.501				59.240		331.261				
122	212000022834	Mai Sơn - QL45	527/QĐ-BGTVT 07/4/2021	12.111.000	12.111.000	9.115.375				99.870		9.015.505				
123	212000022836	Nghi Sơn - Diên Châu	338/QĐ-BGTVT 08/3/2021	7.293.220	7.293.220	6.019.220				592.400		5.426.820				
124	212000022838	Cam Lộ - La Sơn	1710/QĐ-BGTVT 31/8/2020	7.669.307	7.669.307	4.234.080				69.362		4.164.718				
125	212000022840	Cam Lâm - Vĩnh Hào	2352/QĐ-BGTVT 31/10/2018	13.687.000	9.311.000	5.139.280				586.000		4.553.280				
126	212000022841	Đoạn Vĩnh Hào - Phan Thiết	1467/QĐ-BGTVT 30/7/2020	10.853.900	10.853.900	7.848.365				697.157		7.151.208				
127	212000025299	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp tuyến kênh Chợ Gạo (giai đoạn 2)	1782/QĐ-BGTVT 14/9/2020	1.335.646	1.335.646	1.325.646				1.820		1.323.826				
128	212000022723	Dự án nâng cấp mở rộng tuyến đường sắt QL1 đến đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi và đường ven biển tỉnh Quảng Nam (thuộc đoạn tuyến Quốc lộ 40B)	1674/QĐ-BGTVT 07/8/2018	199.404	199.404	56.000				52.200		3.800				
e		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								5.950.435		10.059.344				
130	212000034026	Luồng sông Hậu Giai đoạn 2	2368/QĐ-BGTVT 09/8/2013; 241/QĐ-CQLXD 14/12/2020; 282/QĐ-CQLXD 14/12/2020	2.225.000	2.225.000	2.225.000				86.777		2.138.223				
131	212000038216	Cầu Đại Ngãi trên Quốc lộ 60 thuộc địa phận các tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng	878/QĐ-TTg 22/7/2022	8.014.694	8.014.694	1.116.000				1.008.040		107.960				
132	212000037105	Đầu tư xây dựng các đê biển: Từ Chính A, Từ Chính B, Phúc Nguyên, Đê Lát, Mũi La Gen, Trường Sa Đông, Phan Vinh, Sầu Đông, Lạch Ghép, Lạch Quên, Cửa Vạn, Hòn Lát	1581/QĐ-BGTVT 26/8/2021	384.312	384.312	384.312				109.465		274.847				

TT	Mã dự án	Tên dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh				Ghi chú		
			Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước		Thanh toán nợ XDCB			
133	212000037093	Mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1211+110 - Km1211+799,21 tỉnh Bình Định	1691/QĐ-BGT/VT 20/9/2021	55.894	55.894	55.894	-	11.580			44.314						
134	212000037096	Đầu tư 02 tàu tiếp tế kiểm tra trên biển khu vực Trường Sa, các đảo xa bờ khu vực phía Nam và các đảo xa bờ khu vực phía Bắc	553/QĐ-CH/BN 29/4/2022; 1964/QĐ-BGT/VT 13/11/2021	440.299	440.299	440.299	-	8.150			432.149						
135	212000034078	Dự án đầu tư nâng cấp đường cát hạ cánh, đường lăn cảng hàng không Côn Đảo	1795/QĐ-BGT/VT 14/10/2021	1.680.617	1.680.617	1.590.000	-	1.585.960			4.040						
136	212000033915	Dự án cải tạo, mở rộng QL.2 đoạn Vĩnh Yên - Việt Trì, tỉnh Vĩnh Phúc	1547/QĐ-BGT/VT 19/8/2021	799.740	799.740	760.000	-		39.740		799.740	-					
137	212000033930	Cải tạo, nâng cấp QL12A đoạn tránh thị xã Ba Đồn và tránh nhà máy xi măng sông Gianh	1391/QĐ-BGT/VT 31/10/2021	511.154	511.154	474.780	-		36.374		511.154	-					
138	212000033953	Cải tạo, nâng cấp QL14B đoạn qua thành phố Đà Nẵng	796/QĐ-BGT/VT 24/6/2022	788.710	430.745	338.000	5.000		92.745		430.745	5.000					
139	212000034027	Đầu tư nâng cấp tuyến đường Cầu Mép - Thị Vải từ phạm vi "U" vào khu bến cảng công ten ne Cầu Mép	1747/QĐ-BGT/VT 28/11/2021	1.442.577	1.442.577	1.278.000	-		161.990		1.439.990	-					
140	212000034035	Cải tạo, nâng cấp đường Quy Nhơn cho tàu 50.000DWT	1121/QĐ-BGT/VT 07/8/2021	694.283	694.283	400.000	-		294.280		694.280	-					
141	212000036854	Cao tốc đoạn Hòa Liên - Tây Loan thuộc tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông thành phố Đà Nẵng	1692/QĐ-BGT/VT 38/9/2021	2.113.423	2.113.423	1.902.000	-		61.050		1.963.050	-					
142	212000036863	Cải tạo nâng cấp đoạn Nhà Trang - Sài Gòn, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh	543/QĐ-BGT/VT 27/4/2022	1.099.000	1.099.000	989.000	-		53.835		1.042.835	-					
143	212000033936	Cầu Rach Miến 2	1219/QĐ-BGT/VT 29/9/2021	6.810.110	6.810.110	4.399.000	-		1.331.158		5.730.158	-					
144	212000033884	Cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu (giai đoạn 1)	1602/QĐ-TTg 23/9/2021	19.616.000	16.235.000	16.235.000	-		820.871		17.075.871	-					
145	212000025221	Dự án đầu tư xây dựng Tuyến tránh QL1A đoạn qua thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau	534/QĐ-BGT/VT 07/4/2020; 2312/QĐ-BGT/VT 16/11/2021	1.725.889	1.725.889	1.721.064	-	140.960			1.580.104	-					
146	212000033871	Tuyến Chợ Mới - Bắc Cau	1676/QĐ-BGT/VT 14/9/2021	2.017.000	2.017.000	1.815.300	-	745.363			1.069.937	-					
147	212000033874	Cao tốc Dầu Cháy - Tân Phú (giai đoạn 1)	1043/QĐ-TTg 06/9/2022	8.365.651	1.300.000	1.300.000	20.000	446.440			853.560	20.000					
148	212000033909	Đầu tư hoàn chỉnh QL32C đoạn qua thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ	1775/QĐ-BGT/VT 08/10/2021; 134/QĐ-BGT/VT 21/01/2022	160.000	160.000	160.000	-	4.240			155.760	-					
149	212000033912	Cải tạo, nâng cấp QL2C đoạn Km217+150 - Km247+100, tỉnh Tuyên Quang	1549/QĐ-BGT/VT 20/8/2021; 404/QĐ-BGT/VT 29/3/2022	498.195	498.195	498.195	-	23.030			475.165	-					
150	212000033913	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn tránh thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	1703/QĐ-BGT/VT 24/9/2021	516.615	516.615	516.615	-	176.610			340.005	-					
151	212000033949	Cải tạo, nâng cấp đoạn tuyến qua đảo Mìnem và một số công trình trên Quốc lộ 20, tỉnh Lâm Đồng	1526/QĐ-BGT/VT 16/8/2021	449.590	449.590	449.590	-	85.130			364.460	-					
152	212000033951	Mở rộng quốc lộ 1 đoạn Km996+889-Km996+2189 và cầu Tân Kỳ trên địa bàn tỉnh Quảng Nam	1540/QĐ-BGT/VT 18/8/2021; 1594/QĐ-TCĐBVN 16/3/2022	169.998	169.998	169.998	-	53.210			116.788	-					
153	212000033952	Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 19 đoạn Km90-Km108 và các cầu trên địa bàn tỉnh Bình Định và tỉnh Gia Lai	724/QĐ-BGT/VT 08/6/2022	522.870	522.870	522.191	-	98.280			423.911	-					
154	212000034021	Đóng mới 01 tàu chuyên dùng tìm kiếm cứu nạn hoạt động xa bờ	1347/QĐ-BGT/VT 27/6/2018; 1448/QĐ-BGT/VT 04/8/2021	423.583	423.583	402.000	-	1.510			400.490	-					
155	212000034029	Đầu tư xây dựng tuyến đường vào khu bến cảng Thọ Quang, Đà Nẵng	919/QĐ-BGT/VT 15/7/2022	159.218	159.218	150.500	-	53.490			97.010	-					
156	212000034031	Cải tạo, nâng cấp luồng hàng hải vào các bến cảng khu vực Năm Nghi Sơn, Thanh Hóa	842/QĐ-BGT/VT 30/6/2022	732.933	732.933	645.000	-	181.090			463.910	-					
157	212000034059	Nâng cấp tuyến vận tải thủy sông Đuống (cầu đường sắt Đuống)	1926/QĐ-BGT/VT 09/11/2021	1.887.000	1.887.000	1.787.000	-	511.610			1.275.390	-					
158	212000036861	Cải tạo nâng cấp đoạn Hà Nội - Vinh, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh	547/QĐ-BGT/VT 28/4/2022	854.130	854.130	811.000	-	40.100			770.900	-					

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó:			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB
159	212000036867	Cải tạo nâng cấp đoạn Vinh - Nha Trang, tuyến đường sắt Hà Nội - TP Hồ Chí Minh	548/QĐ-BGT/VT 28/4/2022	1.191.000	1.191.000	1.072.000	-			33.400			1.038.600				
160	212000036864	Cải tạo, nâng cấp các ga trên các tuyến đường sắt phía Bắc	928/QĐ-BGT/VT 18/7/2022	476.000	476.000	470.000	-			53.000			417.000				
161	212000036866	Đường kết nối sau bến 3-4-5-6 cảng Lạch Huyện	1603/QĐ-BGT/VT 30/8/2021	614.372	614.372	493.000	-			493.000			-				
162	212000037107	Xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025	44/2022/QH15 11/01/2022	146.990.000	146.990.000	47.168.587	257.000				7.167.301		54.335.888	257.000			



PHỤ LỤC II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025
(CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ĐÓI ƯỚNG, VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG))
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Mã dự án	Danh mục dự án	Quy định chi tiết trong dự án Quyết định đầu tư					Kế hoạch đầu tư công trung hạn giải đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao					Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giải đoạn 2021-2025					Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giải đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung					Chú chú											
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT		Vốn nước ngoài (theo Hợp định)	Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (lĩnh theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		Vốn nước ngoài (lĩnh theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW																
					Vốn đối ứng	Vốn đối ứng			Tổng số	Trong đó: để thu hồi vốn ứng trước NSTW			Tổng số	Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước NSTW																				
																NSTW	NSDP		Tính bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt	Đưa vào	Vay lại												
BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI																		2.119.228	2.896.167	1.904.800														
Giao thông																		2.119.228	2.896.167	1.904.800														
1	21100002537	Cải tạo đường sá khu vực Đèo Khe Nhé, tuyến đường sá Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	705/QĐ-TTg/28/4/2016; 3351/QĐ-BGTVT/06/12/2017; 2215/QĐ-BGTVT/27/11/2020	2.010.707	246.292	246.292	1.764.415	1.764.415	-	1.735.000	235.000	1.500.000	117.000		1.618.000	118.000	1.500.000																	
2	21100002538	Thành phần IA thuộc Dự án đường Tân Vạn - Nhơn Trạch	497/QĐ-BGTVT/19/02/2016; 154/QĐ-BGTVT/12/02/2020	5.329.560	1.149.480	524.840	190.958 triệu USD	4.180.080	4.180.080	-	4.680.840	519.840	4.161.000	220.980	4.459.860	298.860	4.161.000																	
3	21100002539	Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn I)	138/QĐ-BGTVT ngày 16/01/2017; 1040/QĐ-BGTVT ngày 29/5/2019	1.498.381	382.861	352.861	52.488 nghìn USD	1.145.520	1.145.520	-	1.331.000	340.000	991.000	173.120	1.157.880	166.880	991.000																	
4	21100002540	Cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn II)	172/QĐ-BGTVT/03/9/2020	1.055.596	282.705	282.705	772.891	761.709	-	1.044.414	282.705	761.709	132.980		911.434	149.725	761.709																	
5	21100002550	Cải tạo khu gian Hòa Duyệt - Thành Luyên, tuyến đường sá Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh	499/QĐ-TTg/17/04/2017; 1732/TTg-QHQT/04/10/2016	1.858.108	280.236	280.236	+QĐ-282-BĐ82	1.577.872	1.577.872	-	1.858.107	280.235	1.577.872	223.950	1.634.157	56.285	1.577.872																	
6	21100001963	Dự án xây dựng tuyến Lộ Tẻ - Rạch Sỏi	786/QĐ-BGTVT ngày 26/3/2016; 432/QĐ-BGTVT ngày 22/02/2015; 2388/QĐ-BGTVT ngày 14/8/2017	6.355.339	1.806.339	1.806.339	200 triệu USD	4.549.000	4.549.000	-	731.000	121.000	610.000	80.174	650.826	40.826	610.000																	
7	211000025223	Dự án đường ô tô cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	170822.01/NQ-HBQT ngày 22/8/2017	51.854.640	44.818.000	44.818.000	245.797,1 triệu Won và 100 triệu USD	7.036.640	7.036.640	-	7.265.000	7.265.000	-	89.820	7.175.180	7.175.180	-																	
8	21100001961	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Thăng Hà và đường dẫn hai đầu cầu thuộc tuyến đường bộ nối đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	853/QĐ-BGTVT ngày 25/3/2014; 601/QĐ-BGTVT ngày 03/3/2017; 58/QĐ-TTg/14/01/2021	2.871.552	402.269	285.246	117 triệu USD	2.469.283	2.469.283	-	350.400	38.780	311.620	15.790	334.610	22.990	311.620																	
9	21100004112	Nâng cấp, mở rộng QL.9 đoạn từ cảng Cửa Việt đến QL.1	1384/QĐ-TTg/04/8/2021	440.380	53.070	53.070	387.310	387.310	-	398.092	53.070	345.022	43.690	354.402	9.380	345.022																		
10	21100003951	Phát triển hàng lang VIT và Logistics khu vực phía Bắc	931/QĐ-TTg/04/8/2022	3.901.377	1.408.509	1.408.509	168,793 triệu USD	2.492.868	2.479.417	-	1.800.705	371.000	1.429.705	344.520	1.456.185	26.480	1.429.705																	
11	21100001911	Dự án OTNT3 - Hiệp định Cr.5032-VN	1832/QĐ-BGTVT, 6/8/2012; 3448/QĐ-BGTVT, 03/11/2016	2.454.543	330.497	330.497	105 triệu USD	2.124.046	2.124.046	-	164.498	164.498	-	560	163.938	163.938	-																	
12	21100001949	Dự án Tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường quốc gia lần thứ 2	63/QĐ-BGTVT, 8/01/2013; 197/QĐ-BGTVT, 22/01/2013; 1081/QĐ-BGTVT, 08/4/2016	6.372.499	1.695.324	1.695.324	24.771 triệu yên	4.677.175	4.677.175	-	44.832	44.832	-	1.600	43.232	43.232	-																	
13	21100001980	Dự án xây dựng cầu Vĩnh Thịnh QL2C	1869/QĐ-BGTVT, 29/6/2009; 1654/QĐ-BGTVT, 26/7/2011	2.827.046	766.246	766.246	100 triệu USD	2.060.800	2.060.800	-	20.000	20.000	-	9.690	10.310	10.310	-																	
14	21100003628	An toàn giao thông đường bộ Việt Nam (WB)	355/QĐ-UBATOTQO/28/11/2019; 1319/QĐ-TCDBVN/12/8/2015	1.600.456	256.434	256.434	1.335.002	1.335.002	-	10.000	10.000	-	8.910	1.090	1.090	-																		

STT	Mã dự án	Định mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đề giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung				Ghi chú					
			Số quyết định, nghị, thông, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT Trong đó: vốn NSTW										Tổng số	Trong đó:	Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án	Tổng số	Trong đó:							
					Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)											Vốn đối ứng nguồn NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
					Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt					Tổng số					Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Tổng số	Trong đó: để thu hồi vốn ứng trước
						NSTW	NSDP		Tổng số	Đưa vào	Vay lại	Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW													
15	211000003626	Nâng cấp QL1 GD 3 (Cần Thơ - Năm Căn) và các đoạn ngập Đông Hà Quảng Ngãi) và Hiệp định bổ sung xây dựng 58 Km đường nhánh và cầu Gành Hào	1269/QĐ-BGTVT 12/6/2006	3.430.905	1.024.920	1.024.920						2.401.485	2.401.485	-	8.000	8.000			940				7.060	7.060		
16	211000001939	Dự án đường sắt đô thị Cát Linh - Hà Đông (Phần thực hiện dự án)	1511/QĐ-BGTVT 25/5/2017	18.001.597	4.134.399	4.134.399	669,62 triệu USD	13.867.198	11.716.853	2.150.345	1.404.141	556.144	1.759.043	175.060									2.140.127	381.084		1.759.043
17	211000001952	Dự án ĐTXD cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng (Hợp phần A) - Giai đoạn khởi động	1461/QĐ-BGTVT 12/8/2019	16.489.015	2.043.092	2.043.092	31033 Tr Yên	14.445.923	14.445.923	-	427.937	63.060	364.877	8.960									418.977	54.100		364.877
18	211000001959	Dự án đầu tư xây dựng cầu Thăng Long	688/QĐ-BGTVT 25/2/2015; 12432/BGTVT-KHĐT ngày 27/12/2019	1.158.103	187.926	110.533	46 triệu USD	970.176	970.176	-	7.030	7.030		6.300									730	730		
19	2110000037966	Xây dựng cầu Ninh Cường vượt sông Ninh Cơ trên Quốc lộ 17B	22/QĐ-TTg 07/01/2022	582.516	115.540	60.420	20,1 triệu USD	466.976	466.976	-	521.946	54.970	466.976	27.770									494.176	27.200		466.976
20	211000002109	Dự án đầu tư xây dựng cầu dẫn sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) (Dự án chủ)	622/QĐ-BGTVT 02/3/2016; 1698/QĐ-BGTVT 15/6/2017; 711/QĐ-BGTVT 25/4/2019	9.203.390	538.580	297.560		8.664.810	8.664.810	-	900.464	141.000	759.464	105.923									794.541	35.077		759.464
21	211000001951	Dự án Quản lý tài sản đường bộ Việt Nam (VRAMP)	3068/QĐ-BGTVT 04/10/2013; 2297/QĐ-BGTVT 11/12/2020	6.292.907	1.044.914	1.044.914	280,13 triệu USD	5.247.993	5.247.993	-	1.094.000	284.930	809.070	204.100									889.900	80.830		809.070
22	211000001964	Dự án xây dựng cầu cạn đoạn Mai Dịch - Nam Thăng Long thuộc đường vành đai III thành phố Hà Nội	Số 2660/QĐ-BGTVT ngày 03/9/2013; 74/QĐ-BGTVT-KHĐT ngày 17/01/2020	5.343.438	819.932	819.932		4.523.506	4.523.506	-	988.824	136.000	852.824	67.130									921.694	68.870		852.824
23	211000004050	Nâng cấp cải tạo QL62 qua tỉnh Long An	Chưa có QĐ	2.250.000	608.000	608.000		1.642.000	1.642.000	-	5.000	5.000		5.000									-	-		-
24	211000004079	Dự án nâng cấp, mở rộng đoạn từ Ngã 5 cầu Cần Thơ đến cảng Cái Cui và nâng cấp mặt đường huyện Nam Sông Hậu	Chưa có QĐ	1.500.000	390.000	390.000		1.110.000	1.110.000	-	5.000	5.000		5.000									-	-		-
25	211000004078	Dự án đầu tư xây dựng công trình nâng cấp, cải tạo QL53 đoạn Long Hồ - Ba Sĩ trên địa bàn hai tỉnh Vĩnh Long và Trà Vinh	Chưa có QĐ	1.853.000	753.000	753.000		1.100.000	1.273.000	-	5.000	5.000		5.000									-	-		-

ST T	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú			
			TMDT										Trong đó:			Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chi tiết cho các nhiệm vụ, dự án			Trong đó:						
			Trong đó: vốn NSTW										Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW				Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vào đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Tổng số	Vốn đối ứng		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		Tổng số		Trong đó:		
					Tổng số	NSTW	NSDP	Tính bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW	Tổng số		Trong đó: đề thu hồi vốn ứng trước	Tổng số		Trong đó: Thu hồi vốn ứng trước NSTW	Tổng số			Trong đó: thu hồi vốn ứng trước NSTW		
26	21100001919	Dự án Phát triển giao thông vận tải khu vực đồng bằng Bắc bộ (WB6)	2329/QĐ-BGTVT 13/12/2019 *3961/QĐ-BGTVT 09/12/2016 1038/QĐ-BGTVT 02/4/2014 883/QĐ-BGTVT 04/4/2008	6.866.025	1.477.467	1.477.467		249,43 triệu USD	5.388.558	5.388.558	-	1.495.015	187.223		1.307.792	271			1.494.744	186.952		1.307.792			
27	21100003904	Dự án Nâng cao an toàn cầu DS tuyến HN-HCM	4149/QĐ-BGTVT, 28/12/2007; 1488/QĐ-BGTVT, 26/6/2012	9.283.990	1.053.748	1.053.748		37.153 Triệu Yên	8.230.242	8.230.242	-	67.038	67.038		36.990			30.048	30.048						
28	21100003956	Hà Giang với cao tốc Nội Bài - Lào Cai	8009/BGTVT-KHĐT ngày 05/8/2021 ghi đề xuất dự án	8.737.000	1.655.000	1.655.000			7.082.000	7.082.000	-	8.000	8.000		8.000										
29	21100003924	Dự án khôi phục cầu trên QL1 GĐ3 đoạn Cầu Thô - Cà Mau	642/QĐ-BGTVT 13/3/2010	2.371.177	1.205.126	1.205.126	-		1.166.051	1.166.051	-	68.700	68.700	68.700		104.299	104.299		172.999	172.999					
30	21100001922	Dự án QL 3 mới đoạn Hà Nội - Thái Nguyên	1611/QĐ-BGTVT 10/7/2012; 1288/QĐ-BGTVT 11/01/2021	9.948.361	3.717.536	3.717.536	-	28.955 tỷ Yên	6.230.825	6.230.825	-	244.648	244.648			113.776	113.776		358.424	358.424					
31	21100001940	Dự án đường ô tô Tân Vũ - Lạch Huyện	1482/QĐ-BGTVT 03/8/2020	11.849.195	1.800.372	1.800.372	-	25,978 tỷ Yên	10.048.823	10.048.823	-	216.954	86.236		130.718	1.083	1.083		87.319	29.748		130.718			
32	211000037973	Dự án xây dựng đường cao tốc Đà Nẵng-Quảng Ngãi	2656/QĐ-BGTVT 10/9/2016; 4844/QĐ-BGTVT 22/12/2014	34.516.000	5.298.000	5.275.000	-	75.920 tỷ Yên; 335,49 triệu USD và 90,2 triệu SDR	29.218.000	18.560.000	10.658.000	13.859.408	847.227	847.227	13.012.181		816.300	816.300		1.663.527	1.663.527	13.012.181			
33	211000037972	Dự án xây dựng đường cao tốc Bắc Lức - Long Thành	2925/QĐ-BGTVT 08/10/2010; 5096/QĐ-BGTVT 31/12/2024; 1471/QĐ-BGTVT 31/7/2020	31.320.000	5.689.705	5.689.705	-	636 triệu USD vay ADB và 49,421 tỷ JPY (Hạn mức của Khoản vay JICA lần 03 không hơn 13,228 tỷ JPY chưa lý Hiệp định)	25.630.295	11.975.724	13.654.571	11.616.000	600.000	600.000	11.016.000		407.300	407.300		1.007.300	1.007.300	11.016.000			
34	21100001948	Dự án kết nối khu vực trung tâm đồng bằng Mekong (DATP1, 2 & 3)	3058/QĐ-BGTVT ngày 25/10/2010; 464/QĐ-BGTVT ngày 14/3/2011; 465/QĐ-BGTVT ngày 14/3/2011; 990/QĐ-BGTVT ngày 15/4/2013	19.455.046	2.058.246	2.058.246	-	830 triệu USD	17.396.800	17.396.800	-	1.060.419	157.000		903.419	124.907	124.907		281.907	150.000		903.419			
35	21100001924	Dự án đường hành lang ven biển phía Nam địa phận VN từ cầu Khẩu Xá Xá thành Kiên Giang đến giao QL1 Km 225+200 TP. Cà Mau (giai đoạn 1)	2797/QĐ-BGTVT, 13/9/2007; 2864/QĐ-BGTVT, 15/11/2012	8.831.455	2.187.228	2.187.228	-	330,28 triệu USD	6.644.227	6.644.227	-	4.417	4.417	4.417		83.918	83.918		88.335	88.335					
36	211000038023	Dự án đường nối từ sân bay Nội Bài đến cầu Nhật Tân	1567/QĐ-BGTVT 05/7/2012	2.165.977	2.165.977	2.165.977									22.000	22.000		22.000	22.000						
37	211000038024	Dự án tín dụng ngành GTVT để cải tạo mạng lưới đường Quốc gia (gđ 1)	907/QĐ-TCBBVN 13/3/2017	1.235.247	1.235.247	1.235.247									153.292	153.292		153.292	153.292						
38	211000038025	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long (Dự án WB5)-Hợp phần đường thủy	914/QĐ-BGTVT 23/05/2021	1.788.717	1.788.717	1.788.717									54.500	54.500		54.500	54.500						
39	211000038026	Dự án xây dựng cầu Nhật Tân và đường hai đầu cầu thành phố Hà Nội	1328/QĐ-BGTVT 10/10/2022	1.363.059	1.363.059	1.363.059									12.937	12.937		12.937	12.937						



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		Chi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước	
BỘ XÂY DỰNG															
I		Ngành Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							44.969	44.969	-				
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							44.969	44.969	-				
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							44.969	44.969	-				
-		Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn 2021-2025							15.703	44.969	-				
1	212000029831	Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất Trường đại học xây dựng miền Tây giai đoạn 2	1176/QĐ-BXD, 03/9/2020	338.000	337.000	337.000			4.147	-	-	332.853			
2	212000029853	Đầu tư xây dựng nhà học đa năng - Trường CĐ Xây dựng TP Hồ Chí Minh	1530/QĐ-BXD, ngày 04/12/2020	230.000	228.000	228.000			3.380	-	-	224.620			
3	212000029857	Đầu tư xây dựng Nhà học đa năng- Trường CĐ Công nghệ quốc tế LILAMA2	1025/QĐ- BXD, 09/9/2021	240.894	240.894	240.894			8.176	-	-	232.718			
4	212000037201	Đầu tư nâng cấp công trình Nhà lớp học (Nhà I, Nhà H) và hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	666/QĐ-BXD, 27/4/2024	186.100	40.000	10.000				30.000	-	40.000			
5	212000037299	Đầu tư nâng cấp nhà hiệu bộ, nhà học, hạ tầng kỹ thuật, cảnh quan Trường đại học xây dựng miền Tây (Khu A)	507/QĐ-BXD, 05/6/2024	109.615	109.615	55.000				14.969	-	69.969			
-		Dự án dự kiến hoàn thành sau năm 2025							29.266	-	-				
6	212000037298	Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất (Phần hiệu Đa Năng) - Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	448/QĐ-BXD, 27/4/2021	74.000	74.000	10.000			9.355	-	-	645			
7	212000029778	Đầu tư xây dựng ký túc xá và Nhà thí nghiệm, thực hành - Trường Đại học Xây dựng Miền Trung	446/QĐ-BXD, 27/4/2021	71.000	71.000	20.586			19.911	-	-	675			



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

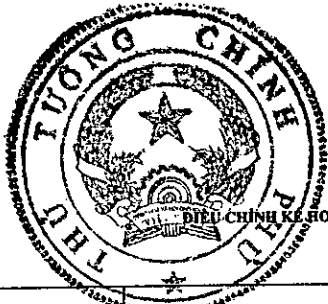
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
BỘ Y TẾ															
I		Y tế, dân số và gia đình						810.546	810.546	-					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						810.546	810.546	-					
a		Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư						-	5.000	-					
1	212000036601	Đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa khu vực Tây Nguyên		1.800.000	1.800.000	5.000			5.000		10.000	10.000			
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						729.449	-	-					
7	212000032560	Dự án xây dựng Trung tâm chăm sóc, khám và điều trị chất lượng cao cho cán bộ Bệnh viện Hữu Nghị	5970/QĐ-BYT ngày 31/12/2021	797.000	797.000	597.000		355.000			242.000				
8	212000032562	Dự án xây dựng Trung tâm chăm sóc, khám và điều trị chất lượng cao cho cán bộ - Bệnh viện Thống Nhất	5719/QĐ-BYT ngày 17/12/2021	785.930	726.000	548.000		319.449			228.551				
9	212000036604	Dự án đầu tư xây dựng mới Trung tâm pháp y tâm thần khu vực thành phố Hồ Chí Minh	1157/QĐ-BYT ngày 12/5/2022	180.000	180.000	180.000		25.000			155.000				
10	212000036610	Dự án xây dựng, nâng cấp và cải tạo Bệnh viện Phong-Da liễu Trung ương Quy Hòa hướng tới là Bệnh viện đa khoa khu vực Nam Trung Bộ	1784/QĐ-BYT ngày 30/6/2022	755.000	755.000	255.000		30.000			225.000				
c		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						81.097	805.546	-					
6	212000012892	Bệnh viện Lão khoa TW (cơ số 2)	504; 17/4/2017; 4872.31/10/20 17	950.000	950.000	824.548		81.097			743.451				
7	212000012893	Bệnh viện phụ sản TW (cơ số 2)	503; 17/4/2017; 5136, 30/10/2019	950.000	950.000	497.200			400.246		897.446				
8	212000012896	Bệnh viện Nhi Trung ương (cơ số 2)	500/QĐ-TTg; 17/4/2017; 5137, 30/10/2019	882.000	882.000	414.991			405.300		820.291				



Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ĐỐI ỨNG, VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÁN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Tên dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư										Kế hoạch đầu tư công trung hạn giải đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giải đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giải đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung		Ghi chú		
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT						Tổng số	Trong đó:		Từ số vốn đã được Thủ tướng Chính phủ giao chỉ tiết cho các nhiệm vụ, dự án		Tổng số	Trong đó:					
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW							
								Tổng số	Trong đó		Tích bằng nguyên tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt							Tổng số	Trong đó:	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	
									NSTW	NSDP			Tổng số												Đưa vào
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO																									
1		Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp															44.154	44.154							
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																44.154	44.154						
		Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 2016-2020 sang giải đoạn 2021-2025																44.154	44.154						
1	21100002485	Chương trình phát triển các trường sư phạm để nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông (ETEP)	WB			956/QĐ-TTg (30/5/2016), 1822/QĐ-BGDĐT (31/5/2016)	1.035.000	67.500	67.500	43 triệu USD	967.500	967.500	-	172.652	3.671	168.981	18.696	-	153.956	3.671	150.285				
2	21100002486	Dự án nâng cao chất lượng giáo dục đại học (SAHEP)	WB			1340/QĐ-BGDĐT (19/4/2017)	1.248.882	18.225	18.225	60 triệu USD	1.230.657	1.118.152	112.505	1.034.865	13.913	1.020.952	7.934	-	1.026.931	13.913	1.013.018				
3	21100002387	Nâng cao năng lực đào tạo, nghiên cứu khoa học và khám chữa bệnh tại trường Đại học Y Dược và bệnh viện trường Đại học Y Dược - Đại học Huế	ITALIA			1971/QĐ-BGDĐT (06/7/2023), 2359/QĐ-BGDĐT (16/4/2023)	171.896	9.422	9.422	5,6 triệu EUR	143.269	143.269	-	87.601	5.316	82.285	-	44.154	131.755	5.316	126.439				
4	211000037963	Dự án Giáo dục trung học cơ sở khu vực khó khăn nhất, giải đoạn 2	ADB			351/QĐ-TTg (10/3/2014), 405/QĐ-TTg (19/3/2021), 1340/QĐ-BGDĐT (20/5/2022)	2.153.508	301.028	126.271	80 triệu USD	1.852.480	1.852.480	-	371.129	49.939	521.170	17.524	-	553.605	49.939	503.666				



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM															
I		Khoa học, công nghệ						114.149	114.149	-					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						114.149	114.149	-					
s		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						114.149	114.149	-					
1	212000028384	Phòng thí nghiệm phát triển công nghệ hệ thống tự hành thông minh	2313/QĐ-VHL 16/11/2019	150.000	150.000	149.800		114.149			35.651				
2	212000037143	Phòng thí nghiệm trọng điểm Hướng Môi trường năng lượng	916/QĐ-VHL 25/5/2021	183.000	183.000	10.000			69.149		79.149				
3	212000037061	Phòng thí nghiệm trọng điểm hướng Khoa học trái đất	913/QĐ-VHL 25/5/2021	167.000	167.000	75.000			45.000		120.000				



Phụ lục I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

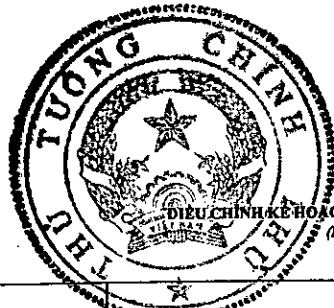
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao	Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: NSTW	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI																
I	Khoa học, công nghệ							14.000	14.000	-						
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							14.000	14.000	-						
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							-	14.000	-						
1	212000012651	Dự án "Đầu tư nâng cấp các phòng thí nghiệm chuyên để phục vụ đào tạo về khoa học cơ bản tại ĐHQGHN"	1083/QĐ-ĐHQGHN, 31/3/2017; 3708/QĐ-ĐHQGHN ngày 09/8/2024	80.000	80.000	32.600			14.000		46.600					
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							14.000	-	-						
2	212000036260	Dự án Đầu tư phòng thí nghiệm năng lượng mặt trời, năng lượng gió, địa nhiệt tại Đại học Quốc gia Hà Nội	3152/QĐ-ĐHQGHN ngày 15/10/2021	50.000	50.000	20.000		14.000			6.000					



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM															
I		Phát thanh, truyền hình, thông tấn						25.000	25.000	-					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						25.000	25.000	-					
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						20.000	-	-					
1	212000016900	Mở rộng phủ sóng truyền hình tới miền núi, vùng sâu, vùng xa giai đoạn 2	1569, 31/10/2016; 687, 14/7/2020	110.000	110.000	98.000		20.000			78.000				
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						5.000	25.000	-					
2	212000030296	Tăng cường năng lực sản xuất và phát sóng chương trình truyền hình tiếng dân tộc trong tình hình mới	359/QĐ-THVN, 25/5/2021; 549/QĐ-THVN ngày 15/7/2021; 1311/QĐ-THVN ngày 14/12/2022; 663/QĐ-THVN ngày 27/6/2023	145.000	145.000	119.950				25.000		144.950			
3	212000030297	Thay thế máy phát hình tại các địa phương có điều kiện kinh tế khó khăn	1133/QĐ-THVN, 09/12/2020; 540/QĐ-THVN ngày 12/7/2021; 829/QĐ-THVN ngày 24/9/2021	90.000	90.000	90.000		5.000				85.000			

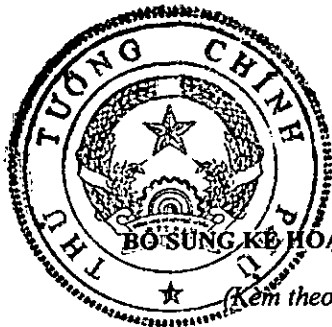


Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI															
I		Cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý						1.200.000	1.200.000	-					
1	212000031527	Cấp vốn cấp bù chênh lệch lãi suất và phí quản lý	905.000	905.000	2.105.000			1.200.000	-		905.000				
II		Các nhiệm vụ, chương trình dự án khác theo quy định của pháp luật						-	1.200.000						
2	212000031528	Cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP	3.418.000	3.418.000	2.218.000			-	1.200.000		3.418.000				

Tập đoàn Điện lực Việt Nam



Phụ lục I

BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025
	TỔNG SỐ	2.526.160
I	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	2.526.160
1	Vốn trong nước	2.526.160



Phụ lục II

GIAO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

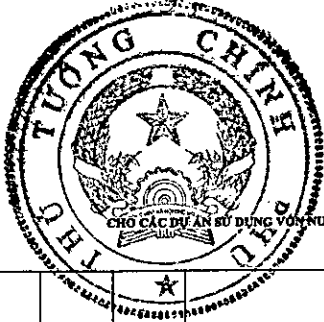
STT	Mã dự án	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Quyết định chủ trương đầu tư		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Giao kế hoạch đầu tư công vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025
						Tổng số	Trong đó vốn NSTW				
TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM											
Công nghiệp											
1	212000036722	Dự án cấp điện từ lưới điện Quốc gia cho huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Bà Rịa Vũng Tàu	2023	2026	708/QĐ-TTG ngày 16/6/2023; 301/QĐ-TTg ngày 11/4/2024	4.950.156	2.526.160	2.526.160		



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

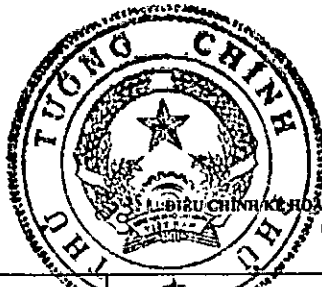
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước	
TỈNH CAO BẰNG															
		Giao thông							30.108	121.040	-				
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							30.108	121.040	-				
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							13.405	1.040	-				
1	212000005539	Đường phía Nam khu đô thị mới, thành phố Cao Bằng lý trình km 0+00 - km3+00	1977/QĐ-UBND, 30/10/2015; 1244/QĐ-UBND, 15/7/2021	409.683	337.269	10.800			5.000	-		5.800			
2	212000031395	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 206 (QL3 - Thác Bản Giốc), tỉnh Cao Bằng	231/QĐ-UBND, 04/3/2013; 1633/QĐ-UBND 30/9/2015	617.785	591.685	98.000			8.405	-		89.595			
3	212000025911	Nâng cấp, cải tạo đường Nà Pông- Đức Hạnh (cầu qua Sông Gâm), huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	2672/QĐ-UBND, 25/12/2020	344.878	344.878	235.000			-	1.040		236.040			
		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							16.703	120.000	-				
4	212000034542	Cầu Bản Đe (sông Gâm) và đường kết nối Quốc lộ 34 - xã Quảng Lâm, xã Thạch Lâm, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	2464/QĐ-UBND, 09/12/2020	80.000	80.000	80.000			4.171	-		75.829			
5	212000034545	Đường giao thông dẫn Biên phòng Cốc Pàng (155) ra các Mốc từ 520 đến 534	2468/QĐ-UBND, 09/12/2020	80.000	80.000	80.000			1.169	-		78.831			
6	212000035164	Cầu và đường nối quốc lộ 34 với xã Nam Quang, Nam Cao, huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	2495/QĐ-UBND, 09/12/2020; 1201/QĐ-UBND ngày 09/7/2021	130.000	110.000	110.000			11.363	-		98.637			
7	212000029184	Cải tạo nâng cấp đường từ thị trấn Xuân Hòa - thị trấn Thông Nông, huyện Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng	2475/QĐ-UBND, 09/12/2020; 891/QĐ-UBND, 30/5/2021; 1242/QĐ-UBND, 15/7/2021; 1388/QĐ-UBND, 24/10/2024	400.000	330.000	280.000			-	50.000		330.000			
8	212000034541	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 205	2466/QĐ-UBND, 09/12/2020; 890/QĐ-UBND, 30/5/2021; 1947/QĐ-UBND, 27/12/2022; 1341/QĐ-UBND, 18/10/2024	250.000	250.000	180.000			-	70.000		250.000			



Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
CHỖ CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ĐÓI ỨNG, VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Mã dự án	Tên mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú	
							TMĐT						Tổng số	Trong đó:		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Tổng số	Trong đó:				
							Trong đó: vốn NSTW							Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW		
							Tổng số (tính cả các nguồn vốn)	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Tổng số	Trong đó:										
								NSTW	NSEDP			Đem vào										Vay lại
TỈNH CAO BẰNG																	90.932					
Giao tổng																	90.932					
1	211000003513	Cải tạo, nâng cấp Đường tỉnh 209, tỉnh Cao Bằng (Lý trình Km19+00 - Km79+00 và cầu BTCT tại Km15+200)	SA			2244/QĐ-TTg, 11/12/2014; 6671/QĐ-TTg, 7/5/2021	650.636	260.253	260.254		325.318	227.723	97.595	318.655	90.932	227.723	90.932	227.723	-	0	227.723	



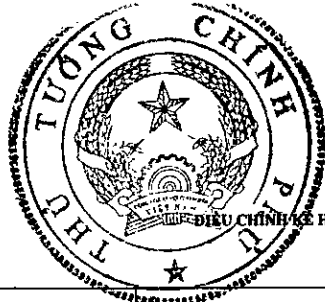
Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú					
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó:				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước			
TỈNH HÒA BÌNH													257.719	257.719	91.971			
1		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						96.888	-	-								
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						96.888	-	-								
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						36.798	-	-								
1	212000012071	Dự án bảo vệ và phát triển rừng (dự án chuyển tiếp đang rà soát)		498.718	68.041	18.240		6.240			12.000							
2	212000005208	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật vùng nuôi trồng thủy sản huyện Lạc Thủy	38/QĐ-UBND; 30/10/2015; 418/NQ-HĐND; 6/4/2021	39.000	33.000	5.500		5.130			370							
3	212000005209	Đường lâm nghiệp kết hợp công vụ, đường ranh canh hòa huyện Tân Lạc, Lạc Sơn, Lạc Thủy và Lạc Sơn	784/QĐ-UBND 30/03/2016	80.000	80.000	46.500		25.428			21.072							
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						60.090	-	-								
4	212000028505	Kè cấp bách chống sạt lở và kết hợp đường giao thông sông Huỳnh, suối cầu chồm Lương Sơn	33/NQ-HĐND ngày 29/7/2021	180.000	100.000	30.000		30.000										
5	212000028506	Kè cấp bách chống sạt lở bờ Sông Bôi đoạn thị trấn Chi Nê huyện Lạc Thủy	375/NQ-HĐND; 09/12/2020	160.000	159.000	89.000		30.090			58.910							
II		Công nghiệp						399	-	-								
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						399	-	-								
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						399	-	-								
6	212000001365	Dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Hòa Bình	2695/QĐ-UBND 14/12/2015; 3016; 31/12/2019	70.590	60.000	3.500		399			3.101							
III		Y tế, dân số và gia đình						49	-	-								
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						49	-	-								
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						49	-	-								
7	212000001368	Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản và trung tâm y tế dự phòng thủ	1194; 07/6/2019; 2733; 3/12/2019	47.000	45.000	2.900		49			2.851							
IV		Du lịch						635	-	-								
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						635	-	-								
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						635	-	-								

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đồng ý		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
8	212000005215	Dự án Hạ tầng du lịch Lạc Thủy (Hạ tầng DL Chùa Tiên, Phú Lão)	741/QĐ-UBND; 28/3/2016; 2920/QĐ-UBND; 23/12/2019	53.000	53.000	10.971			635			10.336			
V		Giao thông							159.748	257.719	97.971				
a		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							159.748	257.719	97.971				
		Thu hồi vốn ứng trước							159.748	257.719	97.971				
9	212000000031	Các dự án xây dựng TTCX	939/QĐ-TTg ngày 01/7/2009	18.000	18.000					15.047	15.047	15.047		15.047	
10	212000000032	Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng các dự án đường cứu hộ cứu nạn	QĐ 1962/QĐ-TTg ngày 25/10/2010	40.000	40.000					6.034	6.034	6.034		6.034	
11	212000000033	Sửa chữa cấp bách hồ Vung, xã Đông Lai, huyện Tân Lạc	6804/BKHĐT-KTNN; 11/9/2013	4.000	4.000					3.985	3.985	3.985		3.985	
12	212000000034	Sửa chữa, nâng cấp hồ Khat, Bai Vả, xã Thượng Cốc, huyện Lạc Sơn	6804/BKHĐT-KTNN; 11/9/2013	4.000	4.000					4.000	4.000	4.000		4.000	
13	212000000035	Sửa chữa, nâng cấp hồ Cha Lang, xã Bao La, huyện Mai Châu	6804/BKHĐT-KTNN; 11/9/2013	3.000	3.000					3.000	3.000	3.000		3.000	
14	212000000036	Sửa chữa, nâng cấp hồ Vóc, xã Xuất Hóa	6804/BKHĐT-KTNN; 11/9/2013	4.000	4.000					4.000	4.000	4.000		4.000	
15	212000000037	Sửa chữa, nâng cấp hồ Bai Cái, xã Đoàn Kết	6804/BKHĐT-KTNN; 11/9/2013	5.000	5.000					5.000	5.000	5.000		5.000	
16	212000000038	Sửa chữa, nâng cấp hồ Ngay, xã Mỹ Hòa	6804/BKHĐT-KTNN; 11/9/2013	3.000	3.000					3.000	3.000	3.000		3.000	
17	212000000039	Sửa chữa, cấp bách hồ Vung xã Đông Lai, huyện Tân Lạc	10404/BTC-ĐT ngày 29/7/2014	8.000	8.000					5.300	5.300	5.300		5.300	
18	212000000040	Sửa chữa, nâng cấp hồ Khat Bai Vả, xã Thượng Cốc	10404/BTC-ĐT ngày 29/7/2014	5.000	5.000					5.000	5.000	5.000		5.000	
19	212000000041	Sửa chữa, nâng cấp hồ Cha Lang, xã Bao La huyện Mai Châu	10404/BTC-ĐT ngày 29/7/2014	3.000	3.000					3.000	3.000	3.000		3.000	
20	212000000042	Sửa chữa, nâng cấp hồ Vóc, xã Xuất Hóa	10404/BTC-ĐT ngày 29/7/2014	5.000	5.000					5.000	5.000	5.000		5.000	
21	212000000043	Sửa chữa, nâng cấp hồ Bai Cái, xã Đoàn Kết	10404/BTC-ĐT ngày 29/7/2014	8.000	8.000					8.000	8.000	8.000		8.000	
22	212000000044	Cải tạo, sửa chữa cấp bách hồ Bai Cái, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy	1861/QĐ-TTg ngày 10/10/2014	20.000	20.000					20.000	20.000	20.000		20.000	
23	212000000045	Dự án trung tâm giống cây trồng giai đoạn 1 tỉnh Hoà Bình	939/QĐ-TTg ngày 01/7/2009	7.000	7.000					1.042	1.042	1.042		1.042	

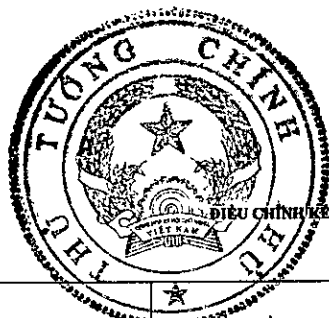
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
24	212000000046	Hệ thống xử lý nước sinh hoạt bị ô nhiễm tại xã Cổ Nghĩa, huyện Lạc Thủy	939/QĐ-TTg ngày 01/7/2009	10.000	10.000					2.563	2.563	2.563		2.563	
25	212000000048	Dự án di dân tái định cư vùng thiên tai, đặc biệt khó khăn xóm Châu, xã Tu Lý, huyện Đà Bắc	211/TTg-KTNN ngày 27/10/2014 và 8308/BKHĐT-KTNN ngày 10/1/2014	4.000	4.000					4.000	4.000	4.000		4.000	
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025													
26	212000031727	Đường từ Quốc lộ 6 đi Độc Lập, Đù Sáng, QL 12B	333/NQ-HĐND; 08/12/2023	450.000	255.000	100.000				-	155.000		255.000		
27	212000028523	Đường Quang Tiến - Thịnh Minh, thành phố Hòa Bình	436/NQ-HĐND; 28/4/2021	430.000	100.000	35.000				-	4.748		39.748		
28	212000028527	Đường tránh thị trấn Vụ Bản	431/NQ-HĐND; 6/4/2021	235.000	50.000	50.000			50.000		-		-		
29	212000028529	Đường QH1(đoạn từ quảng trường Hòa Bình đến đường An Dương Vương), thành phố Hòa Bình	426/NQ-HĐND; 6/4/2021	285.000	283.400	100.000			99.210		-		790		
30	212000028538	Đường tránh thị trấn Bò	421/NQ-HĐND; 6/4/2021	300.000	20.000	20.000			10.538		-		9.462		



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
TỈNH LAI CHÂU															
		Giao thông						21.658	21.658	-					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						21.658	21.658	-					
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						21.658	-	-					
		a									40.600				
1	212000001572	Đường Sáo Lằng - Nặm Tầm	1347/28.10.14	320.000	309.567	49.500		8.900	-	-					
2	212000001580	Đường thị xã Lai Châu - thị trấn Sin Hồ	1203/17.10.11; 1677/25.11.2020	915.000	735.000	186.290		4.390	-	-	181.900				
3	212000012129	Đường giao thông liên vùng Tả Pá - Pa Ủ huyện Mường Tè	31/31.03.16; 3121/31.12.2020	300.000	300.000	108.300		5.300	-	-	103.000				
4	212000012678	Đường Tả Phìn - Xã Dê Phìn; Nâng cấp đường Nặm Cuối - Hùn Cuối Nặm Co Mống huyện Sin Hồ	140/31.10.16; 1145a/24.9.19	100.000	86.208	60.168		3.068	-	-	57.100				
		b									21.658				
5	212000033645	Đường từ thị trấn Tam Đường đến đường nối TP Lai Châu với cao tốc Nội Bài-Lào Cai, huyện Tam Đường	NQ số 41/NQ-HĐ ngày 10.8.2021	80.000	80.000	40.000		-	-	-	21.658	61.658			



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

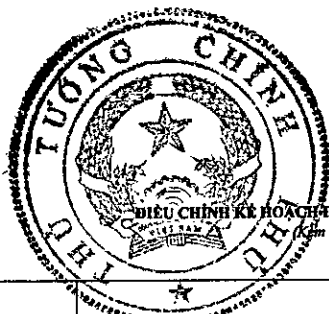
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành		TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Tổng số	Thu hồi các khoản ứng trước NSTW		Thanh toán nợ XDCB	Tổng số		Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước		
															Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	
TỈNH ĐIỆN BIÊN																
I	Văn hóa															
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C															
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025															
1	212000036280	Bảo tàng tỉnh Điện Biên	Số 24/NQ-HĐND ngày 29/6/2021	150.000	150.000	150.000			61.826			88.174				
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản															
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C															
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025															
2	212000032737	Dự án Bảo vệ và phát triển rừng bền vững tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025	Số 214/NQ-HĐND ngày 16/3/2021	342.700	72.700	72.700			10.357			62.343				
III	Quy hoạch															
3	212000037006	Lập Quy hoạch tỉnh Điện Biên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050	461/QĐ-UBND ngày 5/4/2021	53.202	44.699	44.699			7.817			36.882				
IV	Giao thông															
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C															
a	Thu hồi vốn ứng trước															
4	212000056363	Đường Mường Lay - Nậm Nhùn	148/QĐ-UBND ngày 04/2/2007	862.695	862.695	280.000	280.000				80.000	80.000	360.000		360.000	



Phụ lục I
HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

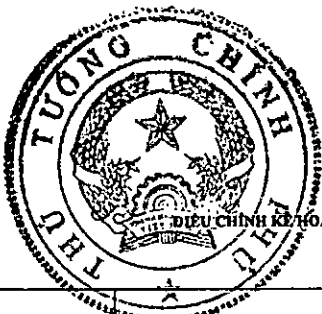
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Chi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh (tăng)		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
TỈNH BẮC NINH															
I		Văn hóa								6.346	6.346				
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C								6.346	6.346				
II		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								6.346	6.346				
1	212000027235	Nhà lưu niệm đồng chí Lê Quang Đạo	163/QĐ-UBND ngày 11/5/2021	22.093	22.093	22.093				6.346			15.747		
2	212000027678	Tu bổ, tôn tạo thành cổ Luy Lâu và hệ thống Tử Pháp huyện Thuận Thành	277/NQ-HĐND ngày 17/7/2020; 24/NQ-HĐND ngày 16/7/2021; 271/NQ-HĐND ngày 02/4/2024	190.000	86.346	80.000					6.346		86.346		



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
TỈNH NAM ĐỊNH															
I		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						4.142		4.142					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						4.142		4.142					
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						4.142		-					
1	212000024665	Nâng cấp hệ thống công trình phòng, chống lụt bão đê hữu sông Hồng và tả sông Đào, thành phố Nam Định	1644 (27/9/11) 1295 (29/5/20) 1393 (15/6/20) 950 (20/5/22)	996.345	171.033	12.142				4.142			8.000		
b		Thu hồi vốn ứng trước								4.142		4.142			
2	212000056576	Nâng cấp kiên cố hoá kênh Đông Nê - chợ Đê huyện Xuân Trường	988 (14/5/09); 2238 (08/10/09); 2900 (03/12/09); 982 (19/5/10)	161.634	147.123	39.947	39.947				4.142	4.142	44.089		44.089



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Chi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
TỈNH NINH BÌNH															
I		Văn hóa						84.122	86.703	60.949					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						57.281	673	673					
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						673	673	673					
1	212000012563	Xây dựng quảng trường và tượng đài Đinh Tiên Hoàng Đế	1360/QĐ-UB 04/10/2020; 1013/QĐ-UB 15/4/2021	1.429.785	863.160	476.156	476.156		673	673	476.829		476.829		
2	212000001140	Tu bổ, tôn tạo, nâng cấp một số di tích lịch sử có liên quan đến nhà nước Đại Cồ Việt nhằm phát huy giá trị lịch sử văn hoá Cố đô Hoa Lư	1444/QĐ-UB 31/10/2016 805/QĐ-UB 16/09/2018	140.988	110.000	36.526		673			35.853				
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						56.608							
3	212000036845	Bảo tồn, tôn tạo, khai quật khảo cổ và phát huy giá trị khu di tích Quốc gia đặc biệt Cố đô Hoa Lư	20/NQ-HĐ 12/5/2021	600.000	200.000	200.000		56.608			143.392				
II		Giao thông						25.754	45.754	20.000					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							20.000	20.000					
a		Thu hồi vốn ứng trước							20.000	20.000					
4	262000000277	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn từ Cụm công nghiệp Đồng hương ra để hữu dẫy ven biển huyện Kim Sơn	1215/QĐ-UB 14/10/2009	126.236	126.236				20.000	20.000	20.000		20.000		
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						181	25.754						
5	212000036844	Xây dựng tuyến đường Đông Tây, tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I)	19/NQ-HĐ 12/5/2021; 1190/QĐ-UB 29/10/2021	1.486.000	500.000	500.000			25.754		525.754		525.754		
8	212000030033	Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Ninh Bình (giai đoạn II)	41/NQ-HĐ 30/9/2019; 63/NQ-HĐ 29/7/2021	399.000	399.000	399.000		181			398.819		398.819		
c		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						25.573							
6	212000024734	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường kết nối Quốc lộ 12B với Quốc lộ 10 đoạn qua Yên Mô-Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình (tuyến ĐT480E cũ)	10/NQ-HĐ 24/3/2020; 1128/QĐ-UB 14/9/2020; 716/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	202.000	200.000	158.000		20.000			138.000		138.000		
7	212000013032	Xây dựng tuyến đường Bái Đình (Ninh Bình) - Ba Sao (Hà Nam), đoạn qua địa phận tỉnh Ninh Bình (giai đoạn I)	16/NQ-HĐ 6/7/2017; 1278/QĐ-UB 29/9/2017; 1146/QĐ-UB 17/9/2020; 1520/QĐ-UB 07/12/2020	400.000	400.000	40.000		5.573			34.427		34.427		



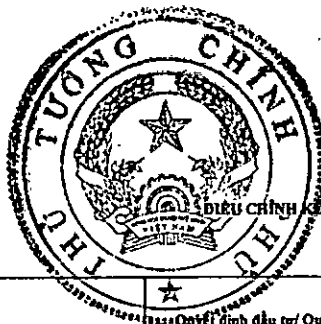
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
III		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						1.087	40.276	40.276					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						1.087	40.276	40.276					
a		Thu hồi vốn ứng trước							40.276	40.276					
9	262000000278	Xây dựng các tuyến đê bao gạt lũ phía tây sông Chanh giai đoạn 2, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình	731/QĐ-UB 12/8/2022	237.978	198.751	-			31.000	31.000	31.000		31.000		
10	262000000279	Nạo vét hệ thống sông Ân, sông Cà Mau, sông Hoàn Trục, huyện Kim Sơn	104/QĐ-UB 24/02/2014	254.150	184.700	-			5.776	5.776	5.776		5.776		
11	262000000280	Bổ trí, sắp xếp dân cư khẩn cấp tại các khu vực thường xuyên chịu ảnh hưởng thiên tai ở các xã Yên Lâm, Yên Thái, huyện Yên Mô	92/QĐ-UB 21/02/2014	51.622	25.811	-			3.500	3.500	3.500		3.500		
b		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						1.087	-	-					
12	212000001129	Nâng cấp tuyến đê hữu sông Đáy đoạn từ Km33+600 đến Km38+00 và đoạn từ Km42+295 đến Km43+9500 huyện Yên Khánh	703/QĐ-UB 13/9/2012	275.346	247.811	42.000		1.087			40.913				



Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Mã dự án	Tên mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú			
						TMĐT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)			Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
								Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ												Quy đổi ra tiền Việt
									NSTW	NSDP													
								Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW															
TỈNH NINH BÌNH																							
I		Mỹ trường													2.581								
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C													2.581	-							
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025													2.581	-							
I	211000001758	Đầu tư xây dựng Âu Kim Đài phục vụ ngăn mặn, giữ ngọt và ứng phó với tác động nước biển dâng cho 06 huyện, thị, xã khu vực Nam Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (vốn AFD)	AFD			2092/QĐ-TTg 26/11/2015; 336/QĐ-UB 04/3/2016; 514/QĐ-UB 31/3/2017	543.455	82.481	28.868	53.613	19,207 triệu EUR	460.974	325.058	135.916	176.998	14.468	162.530	2.581		174.417	11.887	162.530	



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)											Trong đó: NSTW
TỈNH NGHỆ AN															
1		Giao thông							36.068	36.068	-				
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							36.068	36.068	-				
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							36.068	-	-				
1	21200009624	Đường giao thông phát triển kinh tế khu vực miền Tây Nghệ An, đoạn từ trung tâm huyện Nghĩa Đàn nối đường Hồ Chí Minh (giai đoạn 1)	3044/QĐ-UBND 07/7/2017; 1351/QĐ-UBND 12/5/2021; 4125/QĐ-UBND 03/11/2021	120.800	115.000	90.000		8.336			81.664				
2	212000011772	Đường giao thông liên xã Châu Quang - Châu Thái - Châu Cường (giai đoạn 2 đoạn qua xã Châu Cường), huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An.	QĐ phê duyệt số 3905/QĐ-UBND ngày 12/8/2016	83.000	83.000	55.204		2.507			52.697				
3	212000002715	Đường giao thông Thành Sơn đi Thọ Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An	83/QĐ-HĐND 30/10/2015 CTĐT; QĐ phê duyệt số 4741/QĐ-UBND ngày 30/9/2016	80.000	80.000	45.549		332			45.217				
4	212000002720	Đường cứu hộ vùng lũ, đảm bảo an ninh quốc phòng các xã từ Nghĩa Lâm đến Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An	74/QĐ-HĐND 27/10/2015; 3538 04/8/2017; 1350 12/5/2021; 3819/QĐ-UBND 15/10/2021	117.574	97.500	85.000		19.440			65.560				
5	212000002722	Hệ thống giao thông trục chính khu trung tâm từ đường ngang số 6 đến đường ngang số 11, thị xã Cửa Lò	82/QĐ-HĐND, 30/10/2015 CTĐT; 5252/QĐ-UBND 27/10/2016	85.000	85.000	53.500		322			53.178				
6	212000002727	Đường ngang số 20 thị xã Cửa Lò đoạn từ đường dọc số III đến Đại lộ Vinh - Cửa Lò	6500 08/12/2009; 1354/QĐ-UBND 12/5/2021	112.820	77.479	28.379		2.008			26.371				
7	212000002743	Đường giao thông từ khu trung tâm thị xã Hoàng Mai đến đến Cồn	1440 11/4/2014 1348 12/5/2021	87.693	50.000	20.000		3.123			16.877				
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								36.068					
8	212000037304	Tuyến đường tránh QL 1A đoạn Quỳnh Hậu - Quỳnh Hồng - Quỳnh Diễn - Quỳnh Giang, huyện Quỳnh Lưu	18/NQ-HĐND 13/5/2021 4652/QĐ-UBND 01/12/2021 65/NQ-HĐND 29/8/2024	200.000	136.068	100.000				36.068		136.068			



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

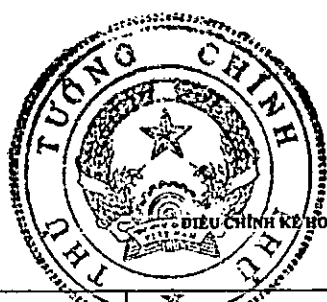
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng			Tổng số	Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
TỈNH HÀ TĨNH															
I		Giao thông						-	18.959	-					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						-	18.959	-					
II		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						-	18.959	-					
I	212000033782	Đường vành đai phía Đông thành phố Hà Tĩnh	254/NQ-HĐND ngày 08/12/2020; 16/NQ-HĐND ngày 17/7/2021; 192/NQ-HĐND ngày 30/9/2024	1.189.000	490.430	450.000			18.959		468.959				



Phụ lục II
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIẢI ĐOẠN 2021 - 2025
CHO CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN ĐỐI ỨNG, VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG)
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Mã dự án	Tên dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định chủ trương đầu tư/ Quyết định đầu tư						Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn NSTW giai đoạn 2021-2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 của dự án sau khi điều chỉnh, bổ sung			Ghi chú			
							TMĐT						Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:				
							Trong đó: vốn NSTW							Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW			Vốn đối ứng nguồn NSTW		Vốn đối ứng nguồn NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	
							Tổng số	Trong đó		Tinh bằng nguyên tệ	Quy đổi ra tiền Việt			Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước NSTW		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Điều chỉnh giảm				Điều chỉnh tăng
								Tổng số	NSTW		NSDP	Tổng số												
TỈNH HÀ TĨNH																								
1		Giao thông																						
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																						
		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025																						
1	21100002762	Dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện tỉnh Hà Tĩnh thuộc Dự án BBO2	ADB			613/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 562/QĐ-TTg 18/5/2018; 617/QĐ-UBND 28/02/2018; 1366/QĐ-UBND 19/3/2017	1.378.583	391.011	182.587		44.250.000 USD	987.572	566.877	420.694	637.692	153.000	482.692	18.959			618.733	136.041	482.692	



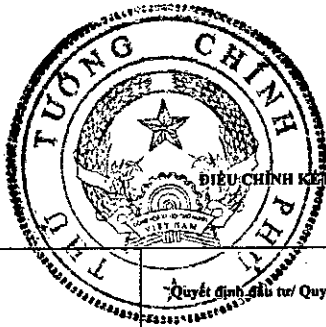
Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
TỈNH QUẢNG BÌNH															
Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C															
Giao thông															
1	212000002911	Đường từ QL1A đến nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	3154/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 3435/QĐ-UBND ngày 27/11/2014; 250/QĐ-UBND ngày 29/01/2015; 2385/QĐ-UBND ngày 13/7/2020	110.049	100.000	51.578		28.215,0					23.363,0		
2	212000002915	Đầu tư hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật trung tâm hành chính mới huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình	759/QĐ-UBND ngày 21/3/2016; 261/QĐ-UBND ngày 23/01/2021	99.992	99.992	20.642		2.595,0					18.047,0		
3	212000000072	Cảng Hòn La	2721/QĐ-UBND ngày 05/11/2007	162.703	37.000					37.000,0	37.000,0	37.000,0		37.000,0	
4	212000000075	Mặt đường GTNT từ Hoà lương - Đàng Hoà- Hoà Sơn	206/QĐ-UBND ngày 05/02/2010	14.500	14.500					200,0	200,0	200,0		200,0	
5	212000000076	Cầu trần bên Seng - Tân Hoà	381/QĐ-UBND ngày 31/12/2009	5.579	5.579					50,0	50,0	50,0		50,0	
6	212000000077	Đường GTNT Quảng Hoà - QL 12A	641/QĐ-UBND Mhỏa ngày 29/9/2009	1.198	1.198					1.028,0	1.028,0	1.028,0		1.028,0	
7	212000000078	Đường QL 12 (xã Minh Hóa)-UBND xã Tân Hóa (cầu trần) GD1	298/QĐ-UBND ngày 05/02/2010; 653/QĐ-CT ngày 26/3/2012	22.120	22.120					300,0	300,0	300,0		300,0	
8	212000000079	Đường GTNT thôn Rãông - Hồng Hoà	1529/QĐ-UBND ngày 17/12/2010	3.000	3.000					134,6	134,6	134,6		134,6	
9	212000000080	Đường liên thôn xã Minh Hóa	2319/QĐ-UBND ngày 31/8/2009	3.952	3.952					100,0	100,0	100,0		100,0	
10	212000000081	Mặt đường GTNT nối đoạn ADB đã XD vào UB xã Xuân Hoà	297/QĐ-UBND ngày 05/02/2010; 1072/QĐ-UBND ngày 14/5/2012	13.900	13.900					200,0	200,0	200,0		200,0	
11	212000000082	Mặt đường GTNT từ QL 12 vào UB xã Minh Hoà	260/QĐ-UBND ngày 02/02/2010	6.341	6.341					200,0	200,0	200,0		200,0	
12	212000000083	Cầu trần Tân Tiến, ông Chính - Hoà Tiến	1333/QĐ-UBND Mhỏa ngày 10/6/2011	3.293	3.293					1.000,0	1.000,0	1.000,0		1.000,0	
13	212000000084	Đường GTNT đi thôn Tân Tiến	1123/QĐ-UBND ngày 27/5/2009	1.155	1.155					656,7	656,7	656,7		656,7	
14	212000000085	Cầu trần Y leeng nối 3 bản - Dân Hoà	3782/QĐ-UBND ngày 29/12/2009; 2880/QĐ-UBND ngày 31/10/2011	9.441	9.441					395,5	395,5	395,5		395,5	
15	212000000086	Đường Tiên Phong - Thanh Liêm xã Trung Hóa	2618/QĐ-UBND QB ngày 18/9/2009	5.100	5.100					1.000,0	1.000,0	1.000,0		1.000,0	
16	212000000087	Đường giao thông liên thôn - Quy Hoà	2319/QĐ-UBND QB ngày 31/8/2009	1.097	1.097					628,5	628,5	628,5		628,5	
17	212000000092	Đường vào bản Baloc xã Dân Hóa	3621/QĐ-UBND QB ngày 14/12/2009; 1025/QĐ-UBND ngày 09/5/2011	5.546	5.546					1.200,0	1.200,0	1.200,0		1.200,0	

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Chi chú		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
18	21200000093	Đường NV thôn Tân Thượng, Tân Sơn, thôn 4 Kim Bảng	655/QĐ-UBND ngày 02/4/2010	4.100	4.100					254,6	254,6	254,6	254,6		
19	21200000094	Đường liên thôn, bản xã Hòa Sơn	3825/QĐ-UBND ngày 31/12/2009	3.106	3.106					100,0	100,0	100,0	100,0		
20	21200000095	Đường liên thôn Bình Minh 1,2 xã Trung Hóa	3725/QĐ-UBND QB ngày 24/12/2009	4.816	4.816					1.000,0	1.000,0	1.000,0	1.000,0		
21	21200000096	Đường và ngầm tràn thôn 5 đi Rí Rí và sửa chữa cầu bản thôn 5	1738/QĐ-UBND QB ngày 09/7/2009	7.839	7.839					325,0	325,0	325,0	325,0		
22	21200000097	Đường vào thôn Kiên Trinh - Hoà Phúc	3702/QĐ-UBND QB ngày 24/12/2009	2.413	2.413					500,0	500,0	500,0	500,0		
23	21200000098	Đường vào khu sản xuất thôn Tân Hòa, xã Hòa Hợp	1008/QĐ-UBND ngày 06/5/2011	2.869	2.869					100,0	100,0	100,0	100,0		
24	21200000099	Đường GT thôn 1, thôn 4 xã Quy Hoà	2484/QĐ-UBND ngày 08/9/2009	1.269	1.269					300,0	300,0	300,0	300,0		
25	21200000089	Cầu tràn thôn Sy - Hoà Phúc	556/QĐ-UBND Mhoá ngày 26/8/2009	902	902					500,0	500,0	500,0	500,0		
II		Y tế, dân số và gia đình							9.631,0	-	-				
26	212000002957	Trung tâm truyền thông - Giáo dục sức khỏe	3126/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 902/QĐ-UBND ngày 29/3/2021	49.300	44.100	19.750				9.631,0		10.119,0			
III		Quốc phòng							7.379,0	-	-				
27	212000005021	Đg ra BG từ km 58, đường tỉnh 562 đến bản A Ky và cột mốc 547	888/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 125/QĐ-UBND ngày 12/01/2021	80.000	80.000	13.650				6.212,0		7.438,0			
28	212000005023	Đường ra BG từ bản Cốc ra mốc 537	887/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 89/QĐ-UBND ngày 11/01/2021	80.000	80.000	10.650				1.167,0		9.483,0			
IV		Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp							227,3	376,3	376,3				
29	212000004985	Đầu tư xây dựng hoàn thiện cơ sở vật chất Cơ sở 1 - Trường Đại học Quảng Bình	885/QĐ-UBND 30/3/2016	96.000	96.000	19.598				227,3		19.370,7			
30	212000000088	Trung tâm Dạy nghề tổng hợp huyện Minh Hoá (HM; Xưởng làm sinh, kỹ thuật, chăn nuôi)	3831/QĐ-UBND ngày 31/12/2009	23.272	23.272					376,3	376,3	376,3	376,3		
V		Văn hóa							6.165,0	-	-				
31	212000014418	Khu lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp giai đoạn 1	1304/QĐ-UBND ngày 19/4/2017; 1999/QĐ-UBND ngày 16/6/2020	45.000	45.000	42.000				6.165,0		35.835,0			
VI		Khu công nghiệp và khu kinh tế							-	4.227,0	4.227,0				
32	212000000069	Hệ thống xử lý thoát nước qua công khu tái định cư KCN cảng biển Hòn La	1456/QĐ-UBND ngày 10/7/2009	2.900	2.900					600,0	600,0	600,0	600,0		
33	212000000070	Giải phóng mặt bằng KCN Cảng biển Hòn La	1911/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	3.600	3.600					1.770,0	1.770,0	1.770,0	1.770,0		
34	212000000071	Hệ thống điện chiếu sáng KCN Cảng biển Hòn La	3340/QĐ-UBND ngày 20/11/2009	5.200	5.200					417,0	417,0	417,0	417,0		
35	212000000073	Khu tái định cư KCN Cảng biển Hòn La	2596/QĐ-UBND ngày 24/8/2004	8.900	8.900					1.440,0	1.440,0	1.440,0	1.440,0		
VII		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản							-	1.936,0	1.936,0				
36	212000000074	Thủy lợi Rục Làn	2624/QĐ-UBND ngày 14/12/2009; 2726/QĐ-UBND ngày 25/10/2010	5.070	5.070					1.786,0	1.786,0	1.786,0	1.786,0		
37	212000000091	Khoanh nuôi, BVR Phòng hộ - BQL rừng Phòng hộ	3684/QĐ-UBND ngày 23/12/2009	150	150					150,0	150,0	150,0	150,0		
VIII		Thương mại							-	500,0	500,0				

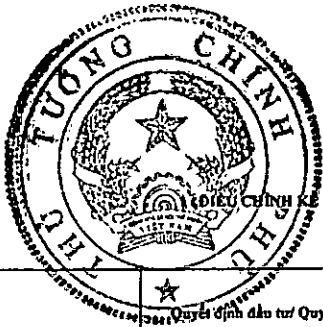
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó:	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
38	212000000090	Chợ Trung tâm xã Hoà Hợp	3043/QĐ-LBNDQB ngày 23/10/2009	2.791	2.791					500,0	500,0	500,0		500,0	



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

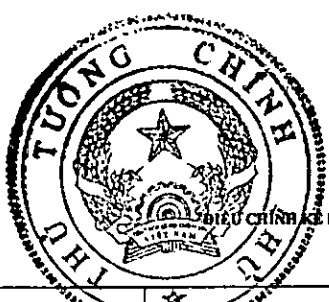
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú									
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số		Trong đó:								
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó; NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó; Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước							
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ																						
I		Giao thông							23.971	23.971	-											
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							23.971	23.971	-	573.941	-	-								
n		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							23.971	23.971	-	573.941	-	-								
1	212000010362	Đường phía Đông đám Lập An	132 ngày 19/6/2017 104 ngày 15/5/2018 112 ngày 22/5/2018; 69/NQ-HĐND ngày 16/7/21	172.580	172.500	72.500			5.467	-		67.033										
2	212000009645	Đường Chợ Mai - Tân Mỹ	2495 ngày 19/10/2016; 2795 ngày 31/10/2019; 65/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	195.821	190.135	90.000			18.504	-		71.496										
3	212000027814	Đường Nguyễn Hoàng và cầu Vượt sông Hương	170/NQ-HĐND ngày 23/12/2020; 60/NQ-HĐND ngày 16/7/2021	1.500.000	800.000	411.441			-	23.971		435.412										



Phụ lục 1
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

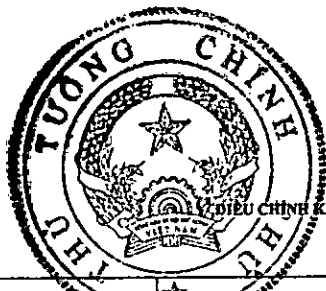
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư / Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao		Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh		Ghi chú				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số			Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước
TỈNH KHÁNH HÒA															
I		Khu công nghiệp và khu kinh tế						30.000	30.000	-					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						30.000	30.000	-	322.344	-	-		
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						30.000	30.000	-	322.344	-	-		
1	212000029048	Đường giao thông ngoài cảng trung chuyển quốc tế Vân Phong	32/NQ-HĐND ngày 21/7/2020; 115/QĐ-KKT ngày 02/8/2021	291.995	291.995	291.995		30.000	-		261.995				
2	212000037403	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT.652B và ĐT.652D đoạn (đoạn từ đường ĐT.652 đến Quốc lộ 26B), thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa	80/NQ-HĐND ngày 28/7/2021	817.200	400.000	30.349		-	30.000		60.349				



Phụ lục I
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

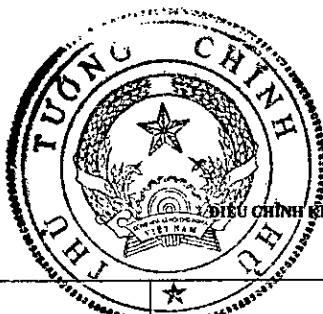
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước	
TỈNH ĐẮK NÔNG										137.311	137.311				
I	Giao thông								134.302	134.302					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C								134.302	134.302					
a	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025								134.302	134.302					
1	212000029598	Đường vào xã Ea Pô, huyện Cư jut	1653/QĐ-UBND, 18/10/2018	90.000	90.000	88.000			10.000	-		78.000			
2	212000037256	Đường giao thông liên xã Năm N'Jang - Trường Xuân - Đắk N'Drung huyện Đắk Song	73/NQ-HĐND 11/5/2021	85.000	85.000	85.000			32.613	-		52.387			
3	212000037258	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi xã Trường Xuân và xã Năm N'Jang huyện Đắk Song	72/NQ-HĐND 11/5/2021	83.000	83.000	83.000			81.689	-		1.311			
4	212000000525	Đường Tôn Đức Thắng nối 2 trục Bắc Nam	04/QĐ-BQL, 27/01/2016; 91/NQ-HĐND 11/5/2021	85.000	85.000	85.000			10.000	-		75.000			
5	212000028084	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 5	56/NQ-HĐND 11/5/2021	190.000	190.000	170.000				20.000		190.000			
6	212000028085	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	55/NQ-HĐND 11/5/2021	300.000	300.000	245.698				54.302		300.000			
7	212000036231	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã đoạn đi qua khu Trung tâm đô thị Nam Dong, Hàng mược, Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	65/NQ-HĐND 11/5/2021	100.000	100.000	90.000				10.000		100.000			
8	212000037257	Đường từ quốc lộ 14 qua trung tâm hành chính mới đi tỉnh lộ 683	81/NQ-HĐND 11/5/2021	110.000	110.000	90.000				20.000		110.000			
9	212000032049	Đường giao thông liên xã Đắk Piao - Đắk R'Mông - Đắk Sơn	59/NQ-HĐND 11/5/2021	110.000	110.000	90.000				20.000		110.000			
10	212000032054	Đường giao thông từ tỉnh lộ 681 đi thị trấn Kiên Đức qua các xã Kiên Thành - Đắk Wer - Nhân Cơ, huyện Đắk R'Lấp	37/NQ-HĐND 11/5/2021	86.000	86.000	76.000				10.000		86.000			
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản								3.009	3.009					
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C								3.009	3.009					
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025								3.009	3.009					
11	212000056442	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đắk Lấp, xã Đắk Gàn, huyện Đắk M'Đi	01/QĐ-SKH 06/01/2014; 235/QĐ-SKH 30/10/2014	7.172	7.172	8.009	8.009		3.009			5.000			
12	212000056441	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Đắk Blung, xã Đắk Buk So, huyện Tuy Đức	1983/QĐ-UBND 26/11/2013	11.400	11.400	5.000	5.000			3.009		8.009			



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

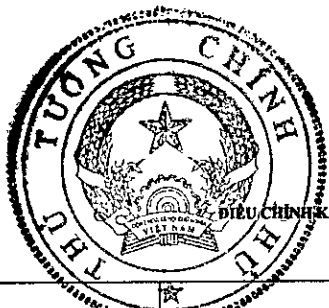
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước			
TỔNG SỐ													200.188	200.188	-	1.199.050	-	-
TỈNH GIA LAI													200.188	200.188	-	1.199.050	-	-
I	Giao thông												200.188	200.188	-	1.199.050	-	-
	Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C												200.188	200.188	-	1.199.050	-	-
a	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025												60.788	-	-	369.331	-	-
1	212000000848	Đường liên huyện từ xã Thành An (An Khê) đến xã Kon Bia và Đăk Hơ (Kbang)	986/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	80.000	79.650	8.000	1.788	-	-	6.212	-	-						
2	212000000856	Đường Tỉnh 666 (Km0+00 - Km6+550), huyện Mang Yang, huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	990/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 343/QĐ-UBND ngày 10/6/2020	231.000	231.000	4.119	2.000	-	-	2.119	-	-						
3	212000024802	Đường liên huyện Chư Sê - Chư Puh - Chư Prông	689/QĐ-UBND ngày 29/7/2020	320.000	320.000	292.000	36.000	-	-	256.000	-	-						
4	212000024812	Tuyên giao thông biên giới cấp bách trên địa bàn huyện Đăk Co, tỉnh Gia Lai	688/QĐ-UBND ngày 29/7/2020	140.000	140.000	126.000	21.000	-	-	105.000	-	-						
b	Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025												139.400	200.188	-	829.719	-	-
5	212000026419	Đường Hoàng Sa nối dài (đoạn nối từ đường Trường Chinh đến đường Nguyễn Chí Thanh), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	1031/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 670/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	146.000	131.400	131.400	131.400	-	-	-	-	-						
6	212000036549	Cầu qua sông Ayun vào xã Ia Yeng (từ quốc lộ 23 đi xã Ia Yeng)	1032/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	90.000	81.000	81.000	8.000	-	-	73.000	-	-						
7	212000036565	Đường liên xã huyện Kbang	398/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	135.000	135.000	115.000	-	-	20.000	135.000	-	-						
8	212000036575	Đường liên xã huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	408/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	120.000	120.000	81.531	-	-	38.469	120.000	-	-						
9	212000037140	Đường liên huyện Mang Yang - Ia Pa, đường Tỉnh 669 và đường từ thành phố Pleiku đi trung tâm huyện Đăk Đoa	427/NQ-HĐND ngày 17/6/2021	650.000	650.000	360.000	-	-	141.719	501.719	-	-						



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

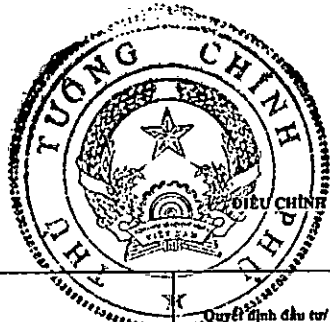
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	* Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú				
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước			
TỔNG SỐ													14.888	14.888	-	483.806	-	-
TỈNH KON TUM													14.888	14.888	-	483.806	-	-
I		Giao thông																
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C																
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025						10.000	-	-	102.886	-	-					
1	212000025431	Đường và cầu từ tỉnh lộ 671 đi Quốc lộ 14	1185-10/10/2016; 321-09/4/2019	249.997	150.000	112.886	10.000	-	-	102.886	-	-						
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							10.788	-	210.788	-	-					
2	212000029578	Đường trung tâm phía Nam thị trấn Plei Kần	NQ 11-12/3/2021; NQ 15-05/7/2021 NQ 45-11/7/2024	246.000	226.000	200.000	-	10.788	-	210.788	-	-						
c		Chuẩn bị đầu tư						788	-	-	212	-	-					
3	212000029579	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 24 đi Tỉnh lộ 675	NQ 26-29/4/2021	94.969	85.500	1.000	788	-	-	212	-	-						
II		Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp						500	500	-	38.818	-	-					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						500	500	-	38.818	-	-					
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							500	-	38.818	-	-					
4	212000034558	Bổ sung thiết bị cho các trường theo chương trình giáo dục phổ thông năm 2018	NQ 29-29/4/2021	550.000	400.000	38.318	-	500	-	38.818	-	-						
b		Chuẩn bị đầu tư						500	-	-	-	-	-					
5	212000027671	Xây dựng mới Trường Phổ thông Dân tộc Nội trú huyện Đăk Hà	NQ 30-29/4/2021	59.000	53.000	500	500	-	-	-	-	-						
III		Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản						3.600	3.600	-	131.102	-	-					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C						3.600	3.600	-	131.102	-	-					
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025						3.600	3.600	-	131.102	-	-					
6	212000027654	Đầu tư cơ sở hạ tầng Vườn quốc gia Chư Mom Ray	NQ 19-29/4/2021	62.500	57.000	57.000	3.600	-	-	53.400	-	-						
7	212000027659	Kè chống sạt lở sông Đăk Tô Kan (đoạn cầu 42), huyện Đăk Tô	NQ 22-29/4/2021	183.500	180.000	74.102	-	3.600	-	77.702	-	-						



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

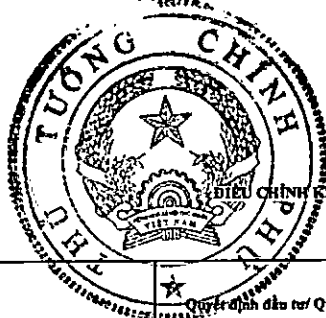
TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Ghi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBĐT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Tổng số		Vấn đề chuẩn bị đầu tư
TỈNH ĐỒNG NAI															
									85.721	85.721	-				
I		Giao thông							85.721	85.721					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							85.721	85.721					
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							85.721	85.721					
1	212000034554	Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai	27/NQ-HĐND ngày 04/12/2020; 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021; 36/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; 29/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	1.458.382	585.721	500.000				85.721		585.721			
2	212000034755	Xây dựng Kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hòa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	178/NQ-HĐND ngày 29/10/2019; 22/NQ-HĐND ngày 30/7/2021; 2186/QĐ-UBND ngày 30/6/2021; 28/NQ-HĐND ngày 17/7/2024	614.100	314.279	400.000			85.721			314.279			



PHỤ LỤC I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Tên dự án	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		Ghi chú	
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư	Thu hồi vốn ứng trước		
																Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao
TỈNH HẬU GIANG																
									166.000	166.000	-					
I		Giao thông							166.000	166.000	-					
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							166.000	166.000	-					
a		Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025							38.000	-	-					
1	212000022951	Đường ô tô về trung tâm xã Phú Hữu	1143/QĐ-UBND, 29/6/2020	166.667	166.667	136.000			11.000	-	-	125.000				
2	212000022952	Đường ô tô về trung tâm xã Phú Tân	1142/QĐ-UBND, 29/6/2020	177.778	177.778	146.000			19.000	-	-	127.000				
3	212000022953	Đường ô tô về trung tâm xã Vĩnh Viễn A	1145/QĐ-UBND, 29/6/2020	188.889	188.889	154.500			8.000	-	-	146.500				
b		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							128.000	166.000	-					
4	212030031477	Dự án Đường tỉnh 927 (đoạn từ thị trấn Cây Dương đến thành phố Ngã Bảy).	09/NQ-HĐND, 11/5/2021; 13/NQ-HĐND, 14/7/2021	266.459	266.459	120.000			-	96.000	-	216.000				
5	212000037265	Dự án Đường tỉnh 927 (đoạn từ ngã ba Vĩnh Tường đến xã Phương Bình).	10/NQ-HĐND, 11/5/2021; 13/NQ-HĐND, 14/7/2021	330.000	330.000	200.000			-	70.000	-	270.000				
6	212000030610	Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang	13/NQ-HĐND, 11/5/2021; 13/NQ-HĐND, 14/7/2021	1.700.000	1.699.000	915.109			119.000	-	-	796.109				
7	212000032738	Đường tỉnh 931 (đoạn từ xã Vĩnh Viễn đến cầu Xẻo Vét)	33/NQ-HĐND, 10/11/2020	405.482	401.982	401.982			9.000	-	-	392.982				



Phụ lục I
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) GIAI ĐOẠN 2021-2025
 (Kèm theo Quyết định số 1470/QĐ-TTg ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Mã dự án	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư/ Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ đã giao			Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao cho các bộ, cơ quan trung ương, địa phương			Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTW giai đoạn 2021-2025 sau khi được điều chỉnh			Chi chú	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:		Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		Tổng số	Trong đó:		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Thu hồi các khoản ứng trước NSTW	Thanh toán nợ XDCB		Tổng số	Trong đó: Thu hồi các khoản vốn ứng trước		Vốn để chuẩn bị đầu tư		Thu hồi vốn ứng trước
TỈNH KIÊN GIANG															
1		Giao thông							10.000	10.000	-				
		Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C							10.000	10.000	-				
a		Dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021-2025							10.000	10.000	-				
1	212000037333	Đường Két nối đê bao ven biển với cầu Thứ ba	38/NQ-HĐND, 27/11/2020; số 27/NQ-HĐND, 30/6/2021; 26/NQ-HĐND, 26/12/2022; 03/NQ-HĐND, 25/6/2024 của HĐND huyện An Biên.	497.000	422.496	391.000				10.000			401.000		
2	212000031326	Dự án cầu Thứ Ba (ngang kênh xáng Xẻo Rô)	33/NQ-HĐND, 28/7/2020	250.000	250.000	250.000			10.000				240.000		